

# **BẢN GHI NHỚ ĐẦU TƯ**

Năm 2023.



## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| Mở đầu   | 3  |
| 1. Tuyên bố từ chối trách nhiệm                  | 4  |
| 2. Định nghĩa                                    | 5  |
| 3. Cấu trúc mục tiêu                             | 7  |
| 4. Cơ chế cấp vốn trong các giai đoạn đầu        | 7  |
| 5. Phát triển và đạt được các mục tiêu của dự án | 8  |
| 6. Đổi cổ phần đầu tư thành cổ phiếu             | 8  |
| 7. Hệ quả về thuế                                | 8  |
| 8. Quá trình chuẩn bị và tiến ra IPO             | 9  |
| 9. Phụ lục                                       | 10 |

## MỞ ĐẦU

Bản ghi nhớ này được soạn cho nhà đầu tư dự án MLC (sau đây gọi là - "**Nhà đầu tư**") với mục đích mô tả cấu trúc pháp lý của Dự án "MLC" (sau đây gọi là - "**Dự án**").

Mục tiêu của dự án: tạo lập và phổ biến các hệ thống hiện đại về chẩn đoán sức khỏe. Mục tiêu ưu tiên trước hết của dự án - phát triển, thiết lập sản xuất và đưa ra thị trường quốc tế sản phẩm hệ thống giám sát đường huyết liên tục (CGM) riêng.

Theo các số liệu của Liên đoàn Đái tháo đường Quốc tế (International Diabetes Federation)

Link:

<https://idf.org>

<https://diabetesatlas.org>

<https://diabetesatlas.org/idfawp/resource-files/2022/12/IDF-T1D-Index-Report.pdf>

Cứ 10 người trên thế giới thì có 1 người đang bị tiểu đường. Năm 2023, trên toàn cầu có 535 triệu người gặp vấn đề về đường huyết, còn tới năm 2045, con số này sẽ gia tăng lên 740 triệu người. Mỗi năm có thêm 11 triệu người bị tiểu đường. Vấn đề này đang ngày càng trầm trọng hơn.

Để xác định nồng độ glucose và kịp thời bù đắp, cần tăng cường sản xuất và ứng dụng các hệ thống kiểm soát đường huyết hiện đại. Các nhà sản xuất đã thử nghiệm nhiều lần các phiên bản khác nhau đối với hệ thống kiểu này, để tìm ra phương thức thuận tiện và thoải mái nhất. Hệ thống giám sát đường huyết liên tục, với tính nhỏ gọn, tích hợp tốt với điện thoại, hệ thống giám sát giấc ngủ, và tính chính xác của dữ liệu, đã trở thành phương thức phổ biến nhất trên thế giới.

Hiện nay, những công ty đã phát triển các phiên bản CGM riêng, đang cho thấy mức tăng trưởng hàng năm lên tới 30% mỗi năm. Thị trường tài chính cũng nhìn nhận tính phổ biến này thông qua việc tích cực mua vào cổ phiếu của những công ty ấy. Vốn hóa của các doanh nghiệp trong lĩnh vực bán thiết bị CGM đã đạt mức rất cao.

Dự án MLC có mọi khả năng để phát triển công nghệ giám sát đường huyết của riêng mình. Công việc được xây dựng thông qua các nhà thầu, bao gồm các trung tâm kỹ thuật, các tập thể nhà khoa học, các viện nghiên cứu chuyên môn.

Nhằm thực hiện các mục tiêu của dự án, các hợp đồng được ký kết cho hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết kế thử nghiệm hay R&D, cũng như các công việc khoa học khác.

Sau khi hoàn thành công việc, dự án MLC sẽ có kết quả phát triển và công nghệ riêng cho hệ thống giám sát đường huyết liên tục (CGM) trong danh mục tài sản của mình. Những kết quả phát triển nhạy cảm nhất sẽ được bảo vệ thông qua các bằng sáng chế.

Tại phần lớn các nước trên thế giới, hệ thống CGM còn chưa được áp dụng rộng rãi. Thị trường đang mở ra cho các nhà sản xuất mới. Cơ hội phổ biến sản phẩm của mình tại các thị trường cạnh tranh thấp là điểm hấp dẫn đối với dự án và các nhà đầu tư.

Đặc thù của dự án MLC là sự phát triển quốc tế, điều được bắt đầu từ trước khi đưa sản phẩm ra bán. Tới tháng 9.2023, dự án đã có sự tham gia của công dân đến từ 150 nước. Nhiệm vụ của MLC không chỉ là tạo lập và xuất xưởng sản phẩm, mà còn chuẩn bị trước thị phần tiêu dùng cho sản phẩm tương lai, chuẩn bị mạng lưới phân phối trên toàn cầu.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản ghi nhớ này được soạn thảo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin liên quan đến đề xuất đầu tư tiềm năng của Công ty. Bản ghi nhớ này không phải và không được xem là một đề xuất hay một phần trong đó. Bất kỳ người nào có ý định đầu tư vào Công ty, khi đưa ra bất kỳ quyết định nào về việc thực hiện đầu tư, phải dựa chỉ vào các thông tin được nêu trong hợp đồng của công ty và mọi sửa đổi hay bổ sung kèm theo được nhà đầu tư ký kết. Không có tuyên bố hay bảo đảm nào được đưa ra liên quan đến độ tin cậy, tính chính xác, hiệu lực và tính đầy đủ của thông tin trong bản ghi nhớ này. Thông tin trong bản ghi nhớ này có thể được cập nhật, bổ sung, sửa chữa, xác nhận hoặc thay đổi. Điều này không loại trừ những thay đổi đáng kể trong thông tin có trong bản ghi nhớ này. Cả Công ty, các cổ đông của Công ty cũng như bất kỳ chi nhánh, nhà tư vấn hoặc đại diện nào của họ đều không có nghĩa vụ cập nhật hoặc cập nhật thông tin trong bản ghi nhớ này và mọi kết luận trong bản ghi nhớ này đều có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Công ty, các cổ đông hay bất kỳ chi nhánh, nhà tư vấn hoặc đại diện nào của Công ty sẽ không chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào (dù phát sinh từ sơ suất hay lý do khác) đối với mọi thiệt hại thuộc bất kỳ loại nào phát sinh do việc sử dụng bản ghi nhớ này hoặc thông tin có trong đó.

Thông tin được trình bày trong tài liệu này chỉ dành cho các nhà đầu tư, đối tác và người dùng của dự án MLC. Khi xem xét tài liệu này, mỗi người nhận đồng ý rằng mình sẽ không sao chép và lan truyền một phần thông tin từ bản ghi nhớ này, không sao chép hoặc lan truyền toàn thể tài liệu.

**Thông tin được nêu trong bản ghi nhớ này không phải là một đề xuất riêng lẻ hay một phần trong đó. Thông tin đầy đủ, các chi tiết và định dạng điều kiện đầu tư chỉ được cung cấp trên trang web chính thức.**



## ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi được quy định khác trong bản ghi nhớ này, ý nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong tài liệu này như sau:

### "MLC"

Tên gọi chung của dự án, được viết tắt từ "My Life Control". Tên gọi này mang tính tập hợp và mô tả đặc trưng cho không chỉ một hay vài pháp nhân, mà bao hàm các mục tiêu và sứ mệnh chung của công ty dưới thương hiệu thống nhất.

### "MLC Limited"

Công ty hoạt động dưới quyền tài phán của Saint Lucia.

Số đăng ký công ty: 2020-00162

Ngày thành lập: 05.11.2020

Tổng Giám đốc: Saltanov Ivan

Kiểm tra đăng ký của công ty:

<https://www.pinnaclestlucia.com/registry/index.jsp>

Công ty được thành lập với mục đích ghi nhận và quản lý đầu tư trong khuôn khổ các nhiệm vụ được đặt ra trong dự án.

### "MLCE Limited"

Công ty hoạt động dưới quyền tài phán của Saint Lucia.

Số đăng ký công ty: 2021-00038

Ngày thành lập: 23.02.2021

Kiểm tra đăng ký của công ty:

<https://www.pinnaclestlucia.com/registry/index.jsp>

Công ty được thành lập với mục tiêu thực hiện hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ IT và phục vụ các giải pháp IT trên nền tảng MLC.Health

### "MLC Engineering"

Tên gọi chung của dự án mô tả định hướng hoạt động kỹ thuật, nghiên cứu. Tên gọi **MLC Engineering** dùng để chỉ tập thể khoa học gồm các nhà thầu, các chuyên gia khác nhau, họ có mối quan hệ theo hợp đồng hoặc phi hợp đồng với sự phát triển nghiên cứu khoa học của dự án.

### "MLC Global Tech"

Tên dự án của công ty cho việc cổ phần hóa, cũng như tiến ra IPO.

Việc đăng ký và lựa chọn quốc gia tài phán được lên kế hoạch thực hiện năm 2025-2026 tại các giai đoạn kết thúc R&D. Công ty được thành lập để hợp nhất tất cả các tài sản, công nghệ, nhằm mục tiêu tăng vốn hóa.

Dự kiến phát hành:

*"Cổ phiếu hạng A"*

Chứng khoán cho quyền sở hữu tài sản và nhận cổ tức.

*"Cổ phiếu hạng B"*

Chứng khoán thông thường, cho quyền sở hữu tài sản và nhận cổ tức.

Các cổ phiếu hạng này có thể được ưu đãi với các đặc điểm và lợi thế bổ sung.

### "Công ty-nhà sản xuất"

Công ty chế tạo sản phẩm theo công nghệ của dự án MLC và trả phí giấy phép theo số lượng sản phẩm bán ra.

### **"Doanh nhân Ivan Victorovich Saltanov"**

Doanh nhân Ivan Victorovich Saltanov, hoạt động trên cơ sở chứng nhận kinh doanh:

OGRNIP: 318190100008073

ITN: 190202499907

Kiểm tra thông tin đăng ký:

<https://egrul.nalog.ru/index.html>

Đại diện cho lợi ích của dự án MLC tại Nga, cũng như đóng vai trò nhà đặt hàng đối với hoạt động vận hành và nghiên cứu khoa học.

### **"Cổ phần đầu tư"**

Giá trị tính toán ước tính về sự tham gia của nhà đầu tư trong tổng số mục tiêu đầu tư của dự án. Chỉ định pháp lý toàn diện và đặc điểm được trình bày trong hợp đồng đầu tư.

### **"Gói cổ phần"**

Một nhóm các cổ phần đầu tư kết hợp lại theo đặc điểm thống nhất về giá hay phương thức thanh toán.

## CẤU TRÚC MỤC TIÊU

Để thực hiện các mục tiêu của dự án, cần phải tổ chức một cấu trúc kết hợp các yêu cầu sau:

- đảm bảo cấp vốn nhằm thực hiện dự án;
- đảm bảo cơ chế phân phối kết quả hoạt động của dự án;
- bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư và những người sáng lập dự án;
- tối ưu hóa và giảm chi phí của dự án;
- khả năng pháp lý cho tiến hành cổ phần hóa đại chúng;
- khả năng pháp lý cho tiến hành cổ phần kín;
- khả năng mở rộng nhóm công ty cho các mục tiêu của dự án;

## CƠ CHẾ CẤP VỐN TRONG CÁC GIAI ĐOẠN ĐẦU

Việc cấp vốn trong các giai đoạn phát triển ban đầu bao gồm hoạt động các nhà đầu tư không xác định về số lượng, quốc tịch và quốc gia có thẩm quyền tài phán. Điều này làm cho việc thu hút vốn từ khắp nơi trên thế giới trở nên khó khăn hơn do sự khác biệt trong luật pháp.

Để đảm bảo thu hút vốn từ phần lớn các nước trên thế giới, công ty MLC Limited được thành lập, dưới thẩm quyền tài phán của Saint Lucia. Thẩm quyền tài phán này không có giới hạn trực tiếp đối với các hoạt động cấp vốn tài trợ cho dự án.

Trong các giai đoạn đầu, công ty ghi lại dữ liệu về việc cấp vốn từ các cá nhân theo hợp đồng đầu tư được ký kết giữa các bên.

Để hạch toán nội bộ số tiền cấp vốn, đơn vị hạch toán nội bộ được áp dụng, gọi là "Cổ phần đầu tư" hay "Cổ phần".

Căn cứ theo hợp đồng đầu tư và số lượng cổ phần đầu tư quy định trong hợp đồng, nhà đầu tư có thể tính tỷ lệ tham gia của mình trong tổng mục tiêu đầu tư của dự án dưới dạng phần trăm. Để làm được điều này, công ty ấn định tổng số cổ phần đầu tư nhằm cấp vốn cho các mục tiêu của dự án.

**Tổng số cổ phần đầu tư là 20 tỷ đơn vị**, 10 tỷ trong đó được dành cho các nhà đầu tư và nêu ra trong các hợp đồng đầu tư.

Ở các giai đoạn có doanh thu dự án, công ty có trách nhiệm tiến hành chuyển đổi sự tham gia đầu tư thể hiện dưới dạng cổ phần thành các tài sản, cổ phiếu khác, xác nhận quyền hưởng lợi nhuận từ dự án.

Điều này được nêu trực tiếp trong hợp đồng đầu tư.

## PHÁT TRIỂN VÀ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Công ty MLC Limited nhận và ấn định các nghĩa vụ đầu tư, sử dụng vốn theo hợp đồng đầu tư nhằm thực hiện dự án.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển chính được tiến hành trên cơ sở tập thể khoa học tại Nga. Với đăng ký thẩm quyền tài phán tại Saint Lucia, công ty không có quyền hoạt động trực tiếp về đặt hàng hoạt động với bất kỳ nhà thầu nào tại Nga.

Để tổ chức hoạt động, MLC Limited sử dụng đại diện tại Nga. Đại diện chính hiện nay là doanh nhân Ivan Victorovich Saltanov (OGRNIP: 318190100008073, ITN: 190202499907). Ông tiến hành tổ chức hoạt động tại Nga và ký hợp đồng với các tập thể khoa học và trung tâm kỹ thuật cần thiết.

Mọi sản phẩm và kết quả R&D được chuyển giao cho công ty MLC Limited trước khi hoàn thành mọi giai đoạn phát triển.

## ĐỔI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÀNH CỔ PHIẾU

Sau khi hoàn thành R&D, các hoạt động nghiên cứu khoa học và thiết kế thử nghiệm, sẽ bắt đầu giai đoạn thương mại hóa các kết quả phát triển thu được. Để đảm bảo phân phối lợi nhuận từ áp dụng thương mại công nghệ theo hợp đồng đầu tư, công ty MLC Limited khởi động việc chuyển đổi cổ phần đầu tư cố định thành cổ phiếu của công ty "MLC Global Tech" (đây là tên dự thảo và có thể thay đổi).

Quá trình chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bổ sung cho hợp đồng đầu tư **với sự tuân thủ tỷ lệ cổ phiếu và cổ phần đầu tư được nêu trong hợp đồng.**

Sau khi kết thúc giai đoạn chuyển đổi cuối, công ty MLC Limited sẽ được giải thể.

**Hoạt động thương mại và chi trả cổ tức sẽ được tiến hành thông qua "MLC Global Tech".**

**Bạn có thể xem sơ đồ tương tác của các công ty trong phụ lục.**

## HỆ QUẢ VỀ THUẾ

### **MLC Limited**

Saint Lucia miễn thuế cho các công ty nước ngoài, nếu doanh thu của chúng được nhận ở nước ngoài.

### **MLC Global Tech** (tên công ty đại chúng)

Dự án MLC có các khách hàng từ hơn 150 quốc gia. Luật pháp các quốc gia đang thay đổi hàng ngày.

Vì thế, đăng ký quốc gia tài phán của công ty sẽ được lựa chọn sau khi kết thúc R&D và tiến hành trên cơ sở đặc thù của phần lớn khách hàng.

Tiêu chí chính trong việc lựa chọn quốc gia đăng ký thẩm quyền tài phán là:

- chi phí thấp hoặc ở mức chấp nhận được cho duy trì cổ đông hàng năm;
- có thể đăng ký cổ phiếu từ mọi quốc gia có thành viên tham gia dự án;
- có các thỏa thuận song phương tại quốc gia đăng ký thẩm quyền tài phán của công ty, nhằm tránh bị đánh thuế hai lần;

- mức thuế thấp hoặc không có đối với việc bán cổ phiếu hoặc nhận cổ tức;
- có thể sử dụng đăng ký tài phán của công ty khi tiến hành IPO.

Cổ tức mà Nhà đầu tư nhận được từ MLC Global Tech sẽ phải chịu thuế thu nhập cá nhân tại quốc gia cư trú thuế của Nhà đầu tư.

## **QUÁ TRÌNH TIẾN RA IPO**

### **Dự án đặt mục tiêu tiến ra IPO và chào bán cổ phiếu ra công chúng vào năm 2030.**

Quá trình phát hành thêm cổ phiếu không ảnh hưởng đến những người nắm giữ cổ phiếu được nhận trước IPO. Quá trình này sẽ được tổ chức thông qua việc phát hành cổ phiếu hạng khác dựa trên đánh giá tài chính và pháp lý.

Tiền thu hút thông qua IPO là cần thiết để bản địa hóa toàn diện và thiết lập 3 trung tâm sản xuất tại các khu vực khác nhau trên hành tinh.

**Thông tin chi tiết hơn sẽ được cung cấp trong quá trình thực hiện dự án, trên cơ sở khuyến nghị từ các thành viên chuyên nghiệp của thị trường, đại diện cho lợi ích của chúng ta đối với việc niêm yết lên sàn giao dịch.**







**SAINT LUCIA  
CERTIFICATE OF INCORPORATION**

*International Business Companies Act, Cap 12.14: Section 6*

**MLC LIMITED  
No. 2020-00162**

Name of Company/Number of Company

I, hereby certify that the above named International Business Company  
was incorporated on 5 November 2020.



.....  
**Registrar  
International Business Companies**

**INVESTMENT AGREEMENT**  
№ \_\_\_\_\_ dated as \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_, hereafter named the Investor acting as a natural person as the party of the first part, and company **MLC LIMITED**, hereafter named Investment Recipient or Company represented by Ivan Saltanov acting under the Charter as the party of the second part, together named Parties and individually – the Party, have entered into the current Investment Agreement (Agreement hereafter) as follows:

**ДОГОВОР ИНВЕСТИРОВАНИЯ**  
№ \_\_\_\_\_ от \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_, именуемый(ая) в дальнейшем Инвестор, действующий(ая) как физическое лицо, с одной стороны, и компания **MLC LIMITED**, именуемая в дальнейшем Получатель инвестиций или Компания, в лице Ивана Салтанова, действующего на основании Устава, с другой стороны, вместе именуемые Стороны, а индивидуально – Сторона, заключили настоящий Договор инвестирования (далее по тексту – Договор) о нижеследующем:

**1. Definitions and Interpretations**

**1.1. Investor** – party granting the investment to the Investment Recipient for achieving the goals (investment activity results) as stipulated by the Agreement.

**1.2. Investment Recipient** – party receiving the investment for achieving the goals (investment activity result) as stipulated by the Agreement.

**1.3. Investment** – own, loan and/or raised monetary funds invested by the Investor in accordance with the Agreement. Investments are a means of financing MLC LIMITED company project as well as a means of financing of additional activities connected with achieving the goal of financing the Project.

**1.4. Investment Activity** – activity with the transferred investment for achieving the goals – the investment activity result – for which the Investment is provided.

**1.5. Investment Activity Result** – achieving the goals for which the Investment is provided and/or for obtaining any other beneficial effect.

**1. Термины и определения**

**1.1. Инвестор** – сторона, предоставляющая инвестиции Получателю инвестиций для достижения целей (результата инвестиционной деятельности), предусмотренных Договором.

**1.2. Получатель инвестиций** – сторона, получающая инвестиции для достижения целей (результата инвестиционной деятельности), предусмотренных Договором.

**1.3. Инвестиции** – собственные, заемные и/или привлеченные денежные средства, вкладываемые Инвестором в соответствии с Договором. Инвестиции являются средством финансирования проекта компании MLC LIMITED, а также, средством финансирования дополнительных мероприятий, связанных с достижением целей финансирования Проекта.

**1.4. Инвестиционная деятельность** – деятельность с вложенными инвестициями для достижения целей – результата инвестиционной деятельности – на которые предоставляются Инвестиции.

**1.5 Результат инвестиционной деятельности** – достижение целей, ради которых предоставляются Инвестиции и/или получение иного полезного эффекта.



**1.6. Project** – 1.6 Project - a complex of activities aimed at creating a system of continuous blood glucose monitoring (CGM). Creating new technical solutions and their monetization.

**1.7. Personal account** – a virtual personal account of the Investor located on the Investment Recipient servers and found at <https://mlc.health>, which can be accessed after the authorization procedure (entering the login and password that only the Investor knows).

**1.8. Investment share** – a unit of measuring the investment participation in the project. The electronic copy of the share is shown in the Personal Account of the Investor.

**1.9. Package of Shares** – a Package of Shares of MLC Limited company

**1.10. Earning capacity per share** – the sum of the Company profit divided by the sum of the shares given to the investors by the Company.

**1.11. Price list** – a ranked list of prices established in the company taking into account the discounts and other (special) conditions. Applied for different categories of Investors including the sum and the number of Shares (Packages of Shares).

**1.6. Проект** - комплекс мероприятий по созданию системы непрерывного мониторинга глюкозы в крови (CGM). Создание новых технических решений и их монетизация.

**1.7. Личный Кабинет** – виртуальный личный кабинет Инвестора, расположенный на серверах Получателя инвестиций и находящийся по адресу <https://mlc.health>, доступ к которому осуществляется после авторизации (ввода логина и пароля, известных только Инвестору).

**1.8. Инвестиционная доля** – единица измерения инвестиционного участия в проекте. Электронная копия доли отображается в Личном Кабинете Инвестора.

**1.9. Пакет Долей** - Пакет Долей компании MLC Limited

**1.10. Доходность одной доли** - это сумма прибыли Компании, деленная на сумму выданных Компанией долей инвесторам.

**1.11. Прайс** – упорядоченный перечень цен, действующий в компании с учетом применения скидок, а также других (особых) условий. И применяемый для разных категорий Инвесторов, включающий в себя сумму и количество Долей (Пакетов Долей).

## 2. Agreement scope

**2.1.** In compliance with the conditions of the Agreement the Parties undertake by their combined efforts to provide the implementation of the investment project (hereafter - Project), where the Investor provides financing of the Investment Recipient by means of giving the investment and the Investment Recipient undertakes to provide using the transferred investment for the Project and additional activities connected with achieving the goals of the project financing.

## 2. Предмет договора

**2.1.** В соответствии с условиями Договора Стороны обязуются совместными усилиями обеспечить реализацию инвестиционного проекта (далее по тексту - Проект), где Инвестор осуществляет финансирование Получателя инвестиций, путем предоставления инвестиций, а Получатель инвестиций обязуется обеспечить вложение предоставленных инвестиций в Проект и дополнительные мероприятия, связанные с достижением целей финансирования проекта.

**2.2.** After providing the Investment in accordance with the conditions of the present Agreement, the Investment Recipient undertakes to transfer to the Investor the ownership of the unencumbered Shares which are not the subject of the claim of the third parties.

**2.3.** The sum of the Investment provided by the Investor as well as the number of Shares transferred to the Investor under the Agreement are stated in the Schedules to the present Agreement which constitute an integral part of the present Investment Agreement.

**2.4.** The investment activity result is achieved by implementing the Project. The information on the current ideas of the Project monetization, steps of the Project implementation as well as the current changes in the Project is given in the Personal account of the investor. The changes in the Personal account as well as new documentation on the Project implementation placed in this section constitutes a part of the Project itself.

**2.5.** The Investor undertakes to provide financing in accordance with the Agreement conditions and the Recipient undertakes to conduct the Investment activity and achieve the Investment Activity Result for which the Investment is provided.

**2.2.** После предоставления Инвестиции, в соответствии с условиями данного Договора, Получатель инвестиций обязуется передать в собственность Инвестору Доли, свободные от обременений, не являющиеся предметом иска третьих лиц.

**2.3.** Сумма Инвестиции, предоставленной Инвестором, а также количество Долей переданных Инвестору по Договору фиксируется в Приложениях к данному Договору, которые является неотъемлемой частью данного Договора Инвестирования.

**2.4.** Результат инвестиционной деятельности достигается через реализацию Проекта. Информация по текущим идеям монетизации Проекта, шагам по реализации Проекта, а также, текущим изменениям Проекта производятся через Личный кабинет инвестора. Изменения в Личном кабинете, а также новая документация по реализации Проекта, размещенная в этом разделе, является частью самого Проекта.

**2.5.** Инвестор обязуется обеспечить финансирование в соответствии с условиями Договора, а Получатель инвестиций провести Инвестиционную деятельность и достичь Результата инвестиционной деятельности, для которой предоставляется Инвестиция.

### **3. Term of Agreement**

**3.1.** The Agreement comes into force from the moment of the Agreement Acceptance and shall continue until the fulfillment of the obligations by the Parties.

**3.2.** The Agreement Acceptance is taking by the Investor of all of the following actions:  
- Expressing consent with all Agreement conditions by means of checking the box of the corresponding item in the Personal account.  
- Transferring the Investment to the Recipient account in accordance with the procedure stipulated in clause 4 of the Agreement.

**3.3.** The Agreement Acceptance entails entering of the Investor and the Investment Recipient into the Agreement under the present Agreement conditions.

### **3. Срок действия договора**

**3.1.** Договор вступает в силу с момента Акцепта Договора и действует до выполнения Сторонами своих обязательств.

**3.2.** Акцептом Договора является совершение Инвестором всех следующих действий:  
- Выражение согласия со всеми условиями Договора путем проставления галочки напротив соответствующего пункта в Личном кабинете.  
- Внесение Инвестиции на счет Получателя инвестиции в порядке, предусмотренном п. 4 Договора.

**3.3.** Акцепт Договора влечет заключение Договора между Инвестором и Получателем инвестиции на условиях данного Договора.

**3.4.** The Investor acknowledges that any consent confirmed technically by undergoing the procedures stated at <https://MLC.health> website is considered to be contracted and doesn't require any additional or other documentary proof from the Investor.

**3.4.** Инвестор признает, что любое согласие, подтвержденное им технически в ходе объявленных на сайте <https://MLC.health> процедур, считается заключенным, и не требует каких-либо дополнительных или иных документальных подтверждений со стороны Инвестора.

#### **4. Procedure of Settlement**

#### **4. Порядок расчетов**

**4.1.** The Investment under the Agreement is determined in the monetary form, the main currency is USA dollars (hereafter – USD). If so agreed, the Parties may accommodate transferring the investment in other currency.

**4.1.** Инвестиции по Договору определяются в денежной форме, основная валюта - доллары США (далее по тексту – USD). По договоренности Стороны могут согласовать предоставление инвестиций в иной валюте.

**4.2.** The Investment is delivered by the Investor in accordance with the conditions of the Agreement by means of transferring the desired sum to the account of the Investment Recipient. The Investment sum is stated in the Schedules to the present Agreement.

**4.2.** Инвестиции предоставляются Инвестором в соответствии с условиями Договора путем инвестирования желаемой суммы на счет Получателя инвестиций. Сумма Инвестиции указывается в Приложениях к данному Договору.

**4.3.** The Investment sum is shown in the Personal account of the Investor during seven business days from the moment when the funds are credited to the account of the Investment Recipient.

**4.3.** Сумма Инвестиции отображается в Личном Кабинете Инвестора в течение семи рабочих дней с момента поступления средств на счет Получателя инвестиции.

**4.4.** After the Investment sum is actually delivered by the Investor and shown in the Personal account, the Investor gets the right to choose and get the desired Package of Shares in accordance with the established for the Investor Price list within the range of the available funds sum.

**4.4.** После того, как сумма Инвестиции будет фактически внесена Инвестором и отображена в Личном Кабинете, Инвестор имеет право выбрать и получить желаемый Пакет Долей по действующему для Инвестора Прайсу в рамках суммы доступных средств.

**4.5.** The Investment is delivered by the Investor in accordance with the «Rules of making investment and providing discounts for Shares», which constitutes an integral part of the agreement.

**4.5.** Инвестиции предоставляются Инвестором согласно «Правилам инвестирования и предоставления дисконта на Доли», которые являются неотъемлемой частью договора.

**4.6.** The Investment Recipient reserves the right to unilaterally introduce amendments to the «Rules of making investment and providing discounts for Shares» to provide effective implementation of the investment Project. Such amendments come into force from the moment of placing the amended text in the personal account of the investor unless another effective date is additionally specified there.

**4.6.** Получатель инвестиций оставляет за собой право в одностороннем порядке в любой момент вносить изменения в «Правила инвестирования и предоставления дисконта на Доли» для наиболее эффективной реализации инвестиционного Проекта. Такие изменения вступают в силу с момента размещения измененного текста в личном кабинете инвестора, если иные сроки вступления изменений в силу не определены дополнительно при таком размещении.

**4.7.** The way of transferring the Investment under the Agreement is crediting the monetary funds by the Investor in USA dollars or other currency agreed by the Parties to the account of the Investment Recipient stated in the Personal account of the Investor. The payment obligations of the Investor under the Agreement are considered to be fulfilled from the day when the monetary funds are credited to the account of the Investment Recipient and choosing the desired share package as stipulated in clause 4.4 of the present Agreement.

**4.8.** The Investor has the right to increase the sum of investment in accordance with the current Price list on a common basis.

### **5. The Procedure of Transferring, Allocating and Accounting the Shares**

**5.1.** During 20 (twenty) business days after choosing a Package of Shares, as stipulated in clause 4.4. of the Agreement and in compliance with clause 4.5. of the Agreement, the Investment Recipient shall take measures aimed at transferring the Shares to the Investor. Transferring the Shares is accomplished by placing them in the Personal Account of the Investor and drawing up a corresponding schedule to the agreement.

**5.2.** Crediting the funds to the account of the Investment Recipient in accordance with clause 4.3. and the Schedules to the Agreement constitutes the Investment for which the Investment Recipient undertakes to add shares at the ratio of 1 USA dollar equaled to 1 share. This ratio is final if during 365 days the Investor doesn't declare a wish to choose a Package of Shares as stipulated in clause 4.4. of the current Agreement.

**5.3.** The Investment Recipient has the right to add Shares at the ratio of 1 USA dollar equaled to 1 Share at any moment as they see fit during 365 days. Furthermore, choosing a Package of Shares in accordance with clause 4.4. is of higher priority when determining the total number of Shares. Shares added earlier will be considered cancelled.

**4.7.** Способом передачи Инвестиций по Договору является перечисление Инвестором денежных средств в долларах США или иной валюте, согласованной Сторонами, на счет Получателя инвестиций, указанный в Личном Кабинете Инвестора. При этом, обязанности Инвестора в части оплаты по Договору считаются исполненными со дня поступления денежных средств на счет Получателя инвестиций, а также выбора желаемого пакета акций согласно п.4.4. настоящего Договора.

**4.8.** Инвестор вправе увеличить сумму инвестиций согласно действующему Прайсу на общих основаниях.

### **5. Порядок передачи, распределения и учета Долей**

**5.1.** В течение 20 (двадцати) рабочих дней после выбора Пакета Долей, согласно п.4.4. Договора, а также соблюдению п.4.5. Договора, Получатель инвестиции принимает меры по передаче Инвестору Долей. Передача Долей осуществляется путем их размещения в Личном Кабинете Инвестора и составления соответствующего приложения к договору.

**5.2.** Перечисление средств на счёт Получателя Инвестиции, в соответствии с п.4.3. и Приложений к Договору является Инвестицией, за которую Получатель Инвестиции обязуется начислить Инвестору доли, в соотношении 1 доллар США равен 1 Доля. Данное соотношение является заключительным, если в течение 365 календарных дней Инвестор не заявил о желании выбрать Пакет Долей, в соответствии с п.4.4. настоящего Договора.

**5.3.** Получатель инвестиции вправе начислить Доли в соотношении 1 доллар США равен 1 Доля в любой момент по своему усмотрению в течение 365 дней. При этом выбор Пакета Долей в соответствии с п.4.4. является приоритетным при расчете итогового количества Долей. Ранее начисленные Доли будут считаться отмененными.

**5.4.** The Investor purchases the Package of Shares in compliance with the current Price list. Approving the Price list is performed by placing the current Price list in the personal account of the investor.

**5.5.** Accounting and preparing the Shares is the responsibility of MLC LIMITED company which is entitled as they see fit to delegate the share accounting to a third-party secretarial company.

**5.4.** Инвестор осуществляет приобретение Пакета Долей в соответствии с действующим Прайсом. Утверждение Прайса происходит путем размещения действующего Прайса в личном кабинете инвестора.

**5.5.** Ведение учета и подготовка Долей осуществляется силами компании MLC LIMITED, которая по своему усмотрению вправе передать сторонней секретарской компании работу по учету долей.

## **6. The Procedure of Implementing Investment Activity**

**6.1.** Investment activity implementation is carried out by the Investment Recipient using its own resources and/or third-party contractors, whilst choosing the engaged (third) parties (providers, contractors, etc) is performed by the Recipient in its sole discretion

**6.2.** The Investment Recipient can contract scientific, legal, financial and other organizations if it's required for achieving the Result of the Investment Activity.

**6.3.** When achieving the Result of the Investment Activity, the Investment Recipient sends a corresponding notification to the other Party.

## **6. Порядок реализации инвестиционной деятельности**

**6.1.** Реализация Инвестиционной деятельности осуществляется Получателем инвестиций собственными и/или привлеченными силами, при этом выбор привлекаемых (третьих) лиц (исполнителей, подрядчиков и т.п.) осуществляется Получателем инвестиций самостоятельно.

**6.2.** Получатель инвестиций может привлекать на договорной основе научные, правовые, финансовые и иные организации, если это необходимо для достижения Результата инвестиционной деятельности.

**6.3.** При достижении Результата инвестиционной деятельности Получатель инвестиций направляет другой Стороне соответствующее уведомление.

## **7. Liability of the Parties and Warranties**

### **7.1. The Investment Recipient undertakes to:**

**7.1.1.** Provide Project financing in accordance with the goals of the Project and conditions of the Agreement.

**7.1.2.** Use the delivered investment for achieving the goals while doing organizational, marketing, advertising promotions necessary for implementing the Project and achieving the Results of the Investment Activity.

## **7. Ответственность сторон и гарантии**

### **7.1. Получатель инвестиций обязуется:**

**7.1.1.** Обеспечить финансирование Проекта, в соответствии с целями Проекта и условиями Договора.

**7.1.2.** Использовать предоставленные инвестиции для достижения целей, выполняя при этом организационные, маркетинговые, рекламные акции, необходимые для реализации Проекта и достижения Результата инвестиционной деятельности.

**7.1.3.** Use funds for implementing the project and transfer funds serving the interests of the project with the deduction of the organizational and advertising expenses.

**7.1.4.** Incur expenses for the Project updates and other documentation (in case implementing these is necessary) and incur expenses for managing the process of the investment activity by means of the accepted investment funds.

**7.1.5.** Inform the Investor about the progress of the Project implementation and about the Project financing stages.

**7.1.6.** Give the Shares to the Investor under the provisions of the agreement after getting the Investment.

**7.1.7.** Provide access to the Personal Account for the Investor within the scope of the present agreement.

**7.1.8.** Maintain accounting of the Shares and other funds of the Investor in the Personal account (virtual account) by means of showing the data.

**7.1.9.** Upon the company decision in order to make the investor participation in the project the most profitable and to guard the interests of the investor, the Investment Recipient carries the right to convert (change) the given to the investor shares to other assets proving the right of the investor to get profit from the company investment activity.

## **7.2. The Investor undertakes to:**

**7.2.1.** Make investments under the Agreement to the extent and on the terms and conditions stipulated by the provisions of the present Agreement.

**7.2.2.** Fulfill other obligations stipulated in the Agreement in a proper manner.

**7.1.3.** Использовать средства для реализации проекта, а также передавать средства в интересах проекта за вычетом организационных расходов и расходов на рекламу.

**7.1.4.** Нести расходы по корректировке Проекта и иной документации (в случае, если осуществление таковых будет необходимо), а также, нести расходы на управление процессом инвестиционной деятельности за счет принятых инвестиционных средств.

**7.1.5.** Информировать Инвестора о ходе реализации Проекта, а также, об этапах финансирования Проекта.

**7.1.6.** После получения Инвестиции предоставить Инвестору Доли в порядке, установленном условиями договора.

**7.1.7.** Обеспечивать доступ Инвестору в Личный Кабинет в рамках настоящего Договора.

**7.1.8.** Вести учет Долей и иных средств Инвестора в Личном кабинете (виртуальном кабинете) путем отображения данных.

**7.1.9.** По решению компании для наиболее выгодного участия инвестора в проекте, а также защите интересов инвестора Получатель инвестиций имеет право на конвертацию (замену) выданных инвестору долей в другие активы подтверждающие право инвестора на получение прибыли от инвестиционной деятельности компании.

## **7.2. Инвестор обязуется:**

**7.2.1.** Осуществлять инвестирование по Договору в объеме и порядке, предусмотренном положениями настоящего Договора.

**7.2.2.** Выполнять надлежащим образом иные обязательства, предусмотренные Договором.

**7.2.3.** Adhere to the provisions stated in the personal account and follow the additions and amendments in the provisions and offers of the personal account.

**7.3. The Investment Recipient is entitled to:**

**7.3.1.** Demand from the Investor to fulfill the obligations under the Agreement.

**7.3.2.** Determine in compliance with the Agreement and Project the scope and precise directions of applying the Investment required for achieving the Result of the Investment Activity.

**7.3.3.** Exercise other rights granted by the Agreement.

**7.3.4.** The Investor is not entitled to partially and/or fully assign their contractual rights to any third party, which includes giving the Personal account login and password to any third party.

**7.2.3.** Соблюдать положения, указанные в личном кабинете, а также следить за нововведениями и изменениями в положениях и офертах личного кабинета.

**7.3. Получатель инвестиций вправе:**

**7.3.1.** Требовать от Инвестора исполнения взятых на себя обязательств по Договору.

**7.3.2.** Определять в соответствии с Договором и Проектом объемы и конкретные направления использования Инвестиций, необходимые для получения Результата инвестиционной деятельности.

**7.3.3.** Пользоваться иными правами, предоставленными Договором.

**7.3.4.** Инвестор не вправе частично и/или полностью передавать свои права по Договору какой-либо третьей стороне, в том числе не имеет право передавать какой-либо третьей стороне логин и пароль к Личному кабинету.

**8. Property Rights**

**8.1.** Upon the achievement of the Result of the Investment activity expressed in the beginning of the Project monetization, the Investment Recipient undertakes to pay the Investor the income from the profit that the Investment Recipient gets in proportion to the number of shares the Investor possesses. The profitability per share is calculated as the sum of the Company's profit divided by the amount of the shares credited by the Company.

**8.2.** The Investor is entitled to have a share of the company profit. Increasing the Investment amount received by the Investment Recipient from the third parties and/or invested in person for achieving the Result of the Investment Activity under the Agreement doesn't constitute grounds for reducing the scope of the property rights of the Investor.

**8. Имущественные права**

**8.1.** При получении Результата инвестиционной деятельности, выраженной в начале монетизации Проекта, Получатель инвестиций обязуется выплачивать Инвестору доход от получаемой Получателем инвестиций прибыли, пропорционально количеству долей, которыми он владеет. Доходность одной доли рассчитывается как сумма прибыли Компании, деленная на сумму выданных Компанией долей.

**8.2.** Инвестор имеет право на долю в прибыли компании. Увеличение размера Инвестиций, полученных Получателем инвестиций от третьих лиц и/или инвестируемые лично, для достижения Результата инвестиционной деятельности в рамках Договора не является основанием для уменьшения объема имущественных прав Инвестора.

**9. The Investment Recipient liability and warranties:**

**9.1.** The Parties are liable for breaching or improper performance of their contractual obligations under the Agreement.

**9.2. The Investor liability and warranties:**

**9.2.1.** The Investor warrants timely execution of its obligations under the Agreement.

**9.2.2.** The Investor warrants that it's not a resident of a limited financing country. The Investor is aware of the list of limited financing countries in the investor personal account. In case of non-compliance with this clause, the investor shall be obliged to incur all costs caused by this breach and its effects.

**9.2.3.** In case the Investment transfer due date under the Agreement is breached, the Investment Recipient is entitled to increase the time of performing its obligations in proportion to the delay of the Investor in performing its obligations.

**9.3. The Investment Recipient liability and warranties:**

**9.3.1.** The Investment Recipient warrants timely execution of its obligations under the Agreement.

**9.3.2.** Under the Agreement the Investor can't spread unreliable information damaging the Company goodwill. Spreading information damaging the goodwill is construed as communicating it to people by transmitting in mass media, informing by means of radio, in public speaking, Internet publishing, chats and messengers as well as any other information disclosure to a third party or general public.

**9. Ответственность и гарантии Получателя инвестиций:**

**9.1.** Стороны несут ответственность за неисполнение или ненадлежащее исполнение своих обязательств по Договору.

**9.2. Ответственность и гарантии Инвестора:**

**9.2.1.** Инвестор гарантирует своевременное выполнение своих обязательств по Договору.

**9.2.2.** Инвестор гарантирует что не является резидентом стран с ограниченным инвестированием. Ознакомлен со списком стран с ограниченным инвестированием в личном кабинете инвестора. В случае несоблюдения данного пункта инвестор обязуется нести все расходы связанные с данным нарушением и его последствиями.

**9.2.3.** В случае нарушения сроков внесения Инвестиций по Договору Получатель инвестиций вправе увеличить срок исполнения своих обязательств соразмерно периоду просрочки выполнения своих обязательств Инвестором.

**9.3. Ответственность и гарантии Получателя инвестиций:**

**9.3.1.** Получатель инвестиций гарантирует своевременное выполнение своих обязательств по Договору.

**9.3.2.** В рамках Договора Инвестору запрещается распространять недостоверную информацию, порочащую деловую репутацию Компании. Под распространением информации, порочащей деловую репутацию понимается доведение ее до сведения лиц, путем трансляции в СМИ, оповещения по радиосвязи, при публичных выступлениях, публикаций в сети Интернет, в чатах и мессенджерах, а также иное сообщение информации третьему лицу или неопределенному кругу лиц.



## 10. Grounds and Procedure of Agreement Termination

**10.1.** The agreement can be terminated by mutual consent of the Parties and on a unilateral basis upon the written request of one of the Parties on the grounds stipulated by the Agreement and provided by the law of Great Britain.

**10.2.** The investment Recipient is entitled to make amendments to the Agreement on a unilateral basis for achieving the stated investment goals.

**10.3.** The investment Recipient may terminate the Agreement unilaterally if:

**10.3.1.** The Investor breaches the financing conditions under the Agreement (including « Rules of making investment and providing discounts for Shares»).

**10.3.2.** The Investor breaches the provision stated in clause 7.2.3 of the present Agreement.

**10.3.3.** In case of a unilateral Agreement termination by the Investment Recipient as well as if the Parties mutually agree upon it, the Company offers the purchased by the investor Shares for sale. The company transfers the funds obtained from selling the shares to the client using the details provided by the client by deducting the costs incurring from doing marketing, organizational, advertising promotions required for achieving the Result of the Investment Activity and implementing the Project.

## 10. Основания и порядок расторжения договора

**10.1.** Договор может быть расторгнут по соглашению Сторон, а также в одностороннем порядке по письменному требованию одной из Сторон по основаниям, предусмотренным Договором и законодательством Великобритании.

**10.2.** Получатель инвестиций имеет право внести изменения в Договор в одностороннем порядке для достижения поставленных инвестиционных целей.

**10.3.** Получатель инвестиций вправе расторгнуть Договор в одностороннем порядке в случаях:

**10.3.1.** Если Инвестор нарушил условия финансирования по Договору ( в том числе «Правила инвестирования и предоставления дисконта на доли»).

**10.3.2.** Если Инвестор нарушил положение , указанное в п.7.2.3 настоящего Договора.

**10.3.3.** В случае одностороннего расторжения Договора по инициативе Получателя инвестиций, а также по договоренности Сторон, Компания выставляет приобретенные инвестором Доли на продажу. Средства полученные от реализации долей компания направляет клиенту на указанные им реквизиты за удержанием затрат, связанных с проведением маркетинговых, организационных, рекламных акций, необходимых для достижения Результата инвестиционной деятельности и реализации Проекта.

## 11. Dispute Settlement

**11.1.** The Parties agree that any disputes, conflicts or requirements arising from the Agreement relating to it or its breaching, terminating or invalidity will be settled by means of negotiations.

## 11. Разрешение споров

**11.1.** Стороны соглашаются, что любые споры, разногласия или требования, вытекающие из Договора, касающиеся его или его нарушения, расторжения или недействительности, будут решаться путем переговоров.

**11.2.** In case the disputes and disagreements can't be settled by the Parties within 30 (thirty) calendar days by means of negotiations, such disputes and disagreements will be settled in the court of Britain.

**11.2.** В случае если разногласия и споры не могут быть разрешены Сторонами в течение 30 (тридцати) календарных дней путем переговоров, такие разногласия и споры Сторонами разрешаются в суде Великобритании.

## **12. Force Majeure**

## **12. Форс-мажор**

**12.1.** The Parties shall not be held liable for complete or partial failure to comply with their obligations under the Agreement in case such failure is a result of acts of God, namely: a fire, flood, earthquake, strike, war, actions of governmental authorities or other events beyond the control of the Parties.

**12.1.** Стороны освобождаются от ответственности за полное или частичное неисполнение обязательств по Договору в случае, если неисполнение обязательств явилось следствием действий непреодолимой силы, а именно: пожара, наводнения, землетрясения, забастовки, войны, действий органов государственной власти или других независимых от Сторон обстоятельств.

**12.2.** The Party that fails to comply with its obligations under the Agreement shall as soon as reasonably possible but not later than 5 (five) calendar days after the event of force majeure send a written notification to the other Party providing the supporting documents issued by the competent authorities.

**12.2.** Сторона, которая не может выполнить обязательства по Договору, должна своевременно, но не позднее 5 (пяти) календарных дней после наступления обстоятельств непреодолимой силы, письменно известить другую Сторону, с предоставлением обосновывающих документов, выданных компетентными органами.

## **13. Miscellaneous**

## **13. Прочие условия**

**13.1.** The Parties have no accompanying verbal agreements. The content of the Agreement text is in exact accordance with the real declaration of will of the Parties.

**13.1.** Стороны не имеют никаких сопутствующих устных договоренностей. Содержание текста Договора полностью соответствует действительному волеизъявлению Сторон.

**13.2.** All correspondence on the Agreement subject matter preceding entering into the Agreement is made void from the day of entering into the Agreement.

**13.2.** Вся переписка по предмету Договора, предшествующая его заключению, теряет юридическую силу со дня заключения Договора.

**13.3.** The Parties acknowledge that if any of the Agreement provisions is made void during the term of the Agreement due to legislative changes, other Agreement provisions are legally binding for the Parties throughout the term hereof.

**13.3.** Стороны признают, что если какое-либо из положений Договора становится недействительным в течение срока его действия вследствие изменения законодательства, остальные положения Договора обязательны для Сторон в течение срока действия Договора.

**13.4.** Each Party is exclusively responsible for the relevant obligations on paying all taxes and other mandatory payments relating to entrance into and performance of the Agreement.

**13.4.** Каждая Сторона самостоятельно исполняет соответствующие обязательства по уплате всех налогов и других обязательных платежей в связи с заключением и исполнением Договора.

**13.5.** The Agreement is drawn up in two languages, Russian and English, both texts have equal legal force. In case some discrepancies or disagreements appear in the meaning of the terms and conditions of the present Agreement, the priority is given to the Russian text of the present Agreement.

**13.5.** Договор составлен на двух языках, русском и английском, каждый из его текстов имеет одинаковую силу. В случае возникновения расхождений или каких-либо несовпадений в смысловом содержании условий настоящего Договора преимуществом обладает текст настоящего Договора на русском языке.

#### **14. Addresses, Signatures and Details of the Parties / Адреса, реквизиты и подписи сторон**

**INVESTOR / ИНВЕСТОР**

\_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

**MLC LIMITED (MLC Engineering)**

Адрес: Rodney Bayside Building Rodney Bay, Gros-Islet, Saint Lucia

Ivan Saltanov / Иван Салтанов

Director / Директор



57516

Number

1000

Shares



# SHARES CERTIFICATE



## Sample Sample

Name Surname

This certificate states the right of possession of investment shares in total of

1000

This certificate of MLC LIMITED (MLC Engineering) is the Shedule №1-1 to the Agreement №1000001 as dated of Oct, 21, 2022 and is an indispensable part of this Agreement.

The procedure of transfer of right for the investment shares as well as other aspects are defined by the Agreement as now or hereafter in effect.

Oct, 21, 2022

Date



Saltanov I.



**ДОГОВОР №53/23**

г. Москва

«4» августа 2023г.

**Индивидуальный Предприниматель Салтанов Иван Викторович** (ИП Салтанов Иван Викторович, ИНН 190202499907), именуемый в дальнейшем «Заказчик», и

**Общество с ограниченной ответственностью «ФРАКСИС»** (ООО «ФРАКСИС», ИНН 7726465440), именуемое в дальнейшем «Исполнитель», в лице Генерального директора Костромина Василия Владимировича, действующего на основании Устава, с другой стороны, вместе именуемые Стороны, а индивидуально – Сторона, заключили настоящий договор (далее по тексту – Договор) о нижеследующем:

**1. ПРЕДМЕТ ДОГОВОРА**

1.1. Исполнитель обязуется по заданию Заказчика выполнить работы в соответствии с Приложением №1-п (далее по тексту – «Работы»), а Заказчик обязуется принять Работы и оплатить Стоимость Работ.

1.2. Задание, календарный план, этапы и Стоимость Работ приведены в Приложении №1-п к Договору, где п – порядковый номер приложения. Приложения №1-п составляют неотъемлемую часть Договора. Приложением №1-п может быть предусмотрен как один из видов результата Работ: программное обеспечение, документация, опытный образец, аудиторский отчет, отчет по проведению консультационных работ, так и несколько из них. Настоящий Договор является рамочным. Стороны могут заключить неограниченное количество Приложений №1-п.

**2. СРОК ДЕЙСТВИЯ ДОГОВОРА И ОСНОВНЫЕ УСЛОВИЯ**

2.1. Договор вступает в силу с даты подписания его Сторонами и действует до полного исполнения Сторонами своих обязательств.

2.2. Срок выполнения этапов Работ (Работ) устанавливается в календарном плане (Приложение №1-п). Сроки начала и окончания этапов Работ (Работ) переносятся Исполнителем в одностороннем порядке на период просрочки исполнения Заказчиком любого из встречных обязательств, предусмотренных пунктами: 3.1.1, 3.1.3, 3.1.6 Договора.

2.3. В случае, если Задание предусматривает разработку документации, то Исполнитель руководствуется ГОСТами, указанными в Задании. Если иное не предусмотрено Заданием, документация передается Заказчику только в электронном виде.

2.4. Стороны договорились, что право выбора технологий программирования и алгоритмов работы остается за Исполнителем с учетом требований, предъявляемых к характеристикам ПО в Задании.

2.5. Если Задание предусматривает доработку программного обеспечения, то Заказчик в момент подписания такого Задания передал Исполнителю права на модификацию, доработку и переработку ПО на срок действия Договора и в объеме, которые необходимы для исполнения Исполнителем своих обязательств по Договору. Стороны договорились, что подписание отдельного акта об этом не требуется.

2.6. Если Задание предусматривает аудиторские или консультационные работы, то Исполнитель самостоятельно определяет порядок работ, инструменты и технологии для выполнения задачи Заказчика. Результатом выполнения работ является отчет. Факт приемки результатов работ определяется подписанием Акта о выполненных работах.

Подписанием настоящего Договора Заказчик в порядке ст. 431.2. ГК РФ заверяет Исполнителя о том, что Заказчик правомочен без каких-либо согласований и одобрений распоряжаться ПО и передавать ПО на модификацию, переработку, доработку на условиях по усмотрению Заказчика, все права на ПО, разработанное в объеме на дату заключения настоящего Договора, принадлежат Заказчику, заключением настоящего Договора не будут нарушены авторские, смежные и любые иные права третьих лиц, отсутствуют какие-либо притязания в отношении ПО и судебные споры, модификация, переработка и доработка ПО допустимы и ничем не ограничены, Заказчиком соблюдены все требования законодательства РФ и существующих на момент подписания Договора обязательств Заказчика перед третьими лицами, необходимые для передачи ПО на модификацию, переработку, доработку, Заказчик совершил все действия и выполнили все формальности, необходимые для заключения настоящего Договора, в том числе Заказчиком



соблюдены все процедуры корпоративного одобрения для заключения настоящего Договора, заключение настоящего Договора не нарушает никаких положений и норм действующего законодательства РФ. Указанные в настоящем пункте заверения и гарантии являются по смыслу ст.431.2 ГК РФ заверениями об обстоятельствах. Заказчику известно, что Исполнитель при заключении настоящего Договора полагается на указанные в настоящем разделе Договора сведения, которые представляют для него существенное значение и имеет разумные основания исходить из такого предположения. Заказчик самостоятельно в полном объеме и за свой счет обязуется уплачивать всем лицам, внесшим творческий вклад в разработку ПО за рамками настоящего Договора, вознаграждение за разработку ПО и/или отчуждение исключительного права на него (если потребуется), а также обязуется самостоятельно, в полном объеме и за свой счет урегулировать правоотношения со всеми лицами, внесшими творческий вклад в разработку ПО за рамками Договора, таким образом, чтобы обеспечить принадлежность Заказчику исключительного права на разработанное ПО в полном объеме.

2.7. Если иное не предусмотрено Заданием для изготовления опытного образца Исполнитель использует для Работ только те комплектующие и расходные материалы, которые есть в наличии у Исполнителя на момент оплаты аванса по Договору. Все иные комплектующие и расходные материалы, необходимые для изготовления опытного образца или изделий, Заказчик обязуется предоставить Исполнителю по его адресу. С момента получения Заказчиком запроса Исполнителя о предоставлении комплектующих и расходных материалов, необходимых для изготовления опытного образца, срок выполнения Работ по Договору приостанавливается на период до момента фактического предоставления Исполнителю таких комплектующих и расходных материалов.

2.8. Если иное не предусмотрено Приложением №1-н передача комплектующих, расходных материалов, оборудования, опытных образцов и всех иных материальных ценностей производится по адресу Исполнителя, указанному в ст.14 Договора.

### 3. ПРАВА И ОБЯЗАННОСТИ СТОРОН

3.1. Заказчик обязуется:

- 3.1.1. в течение трех (3) рабочих дней с момента запроса Исполнителя предоставить ему исходные данные;
- 3.1.2. осмотреть и принять выполненные Работы по каждому этапу в сроки и в порядке, которые предусмотрены Договором;
- 3.1.3. оплатить Работы на условиях и в порядке, установленных Договором;
- 3.1.4. использовать результат Работ по Договору, полученный от Исполнителя, только на цели, предусмотренные Договором, не передавать его третьим лицам и не разглашать содержащиеся в нем данные без согласия Исполнителя до момента полной оплаты по Договору;
- 3.1.5. оказывать содействие Исполнителю в выполнении Работ;
- 3.1.6. возместить Исполнителю дополнительные расходы, вызванные изменением исходных данных или Заданием вследствие обстоятельств, не зависящих от Исполнителя;
- 3.1.7. при обнаружении отступлений от Договора, ухудшающих результат Работ, или иных недостатков в Работе немедленно заявить об этом Исполнителю, но в любом случае не позднее 5 (пяти) рабочих дней с момента получения Акта сдачи - приемки выполненных работ по соответствующему этапу Работ.

3.2. Исполнитель обязуется:

- 3.2.1. при выполнении Работ соблюдать требования, содержащиеся в Задании, и отступать от них только с согласия Заказчика;
- 3.2.2. выполнить Работы с надлежащим качеством в соответствии с условиями Договора, а также в соответствии с Заданием;
- 3.2.3. гарантировать качество исполнения Работ согласно нормам ЕСКД, прямо поименованных в Задании;
- 3.2.4. при необходимости и по поручению Заказчика приобретать комплектующие, расходные материалы и оборудование за счет Заказчика, при этом Исполнитель вправе приступить к закупке после полной оплаты Заказчиком стоимости комплектующих, расходных материалов и оборудования. Если это применимо и выполнено комплектующие и оборудование приобретается с сертификатами качества и гарантией на срок службы;
- 3.2.5. выполнить работы по Договору с привлечением третьих лиц, оставаясь ответственным за действия таких третьих лиц;



- 3.2.6. после выполнения Работ передать результат Работ Заказчику, а также оставшиеся комплектующие (детали);
- 3.2.7. хранить собранные опытные образцы, изделия, материалы и сырье на своих площадях не более 2 (двух) месяцев с момента окончания выполнения Работ с правом передачи их третьим лицам на ответственное хранение и/или утилизацию за счет Заказчика;
- 3.2.8. своевременно выставлять счета на запланированный объем Работ по Договору, а также на дополнительный объем работ в момент их возникновения;
- 3.2.9. в течение 5 (пяти) рабочих дней со дня получения письменного запроса Заказчика давать Заказчику письменные объяснения о выполнении Работ, а также незамедлительно давать устные объяснения Заказчику о выполнении Работ;
- 3.2.10. своевременно устранять недостатки, выявленные при приемке Работ;
- 3.2.11. немедленно предупредить Заказчика и до получения его указаний приостановить Работы при обнаружении:
- возможных неблагоприятных для Заказчика последствий выполнения его указаний о способе выполнения Работ;
  - невозможности получить ожидаемые результаты, отрицательного результата или нецелесообразности дальнейшего проведения Работ;
  - иных, не зависящих от Исполнителя обстоятельств, которые грозят годности или прочности результатов Работ либо создают невозможность их завершения в срок. Вопрос о целесообразности продолжения Работ решается Сторонами в течение 5 (пяти) рабочих дней со дня получения Заказчиком уведомления о приостановлении Работ;
- 3.2.12. гарантировать Заказчику передачу результата Работ, полученного в результате выполнения Договора, не нарушающего исключительных прав третьих лиц;
- 3.2.13. передать результат Работ Заказчику в сроки и на условиях, предусмотренных Договором;
- 3.2.14. не передавать результат Работ, а также его части третьим лицам без предварительного письменного согласия Заказчика, кроме случаев, указанных в п.3.4.5, 3.2.7 Договора.
- 3.3. Заказчик вправе:
- 3.3.1. в любое время проверять ход и качество Работ, не вмешиваясь в деятельность Исполнителя;
- 3.3.2. после полной оплаты по Стоимости Работ использовать результат Работ по собственному усмотрению в любой форме и любыми не противоречащими законодательству и Договору способами.
- 3.4. Исполнитель вправе:
- 3.4.1. сдать Работу досрочно, при этом досрочная сдача результатов работ является основанием для возникновения обязанности Заказчика досрочно оплатить результаты Работ;
- 3.4.2. не приступать к Работам, а начатые Работы приостановить или отказаться от исполнения Договора и потребовать возмещения убытков в пределах стоимости Работ в случаях, когда нарушение Заказчиком своих обязанностей по Договору препятствует исполнению Договора Исполнителем, а также при наличии обстоятельств, очевидно свидетельствующих о том, что исполнение Заказчиком указанных обязанностей не будет произведено в установленный срок. К таким обстоятельствам Стороны относят в том числе просрочку оплаты по Договору свыше 10 (десяти) банковских дней.
- 3.4.3. в одностороннем порядке перенести сроки начала и окончания Работ (этапов Работ) на период просрочки исполнения Заказчиком встречных обязательств, в том числе обязательств по оплате;
- 3.4.4. при неисполнении Заказчиком обязанности уплатить установленную Договором цену либо иную сумму, причитающуюся Исполнителю в связи с выполнением Договора, в порядке, предусмотренном ст.712 ГК РФ, удерживать в соответствии со ст.ст.359, 360 ГК РФ до уплаты Заказчиком соответствующих сумм результат Работ или другое оказавшееся у Исполнителя имущество Заказчика в связи с исполнением Договора;
- 3.4.5. при уклонении Заказчика от принятия выполненных Работ по истечении 2 (двух) месяцев со дня, когда, согласно Договору, результат Работ должен был быть передан Заказчику, и при условии последующего двукратного предупреждения Заказчика Исполнитель вправе продать результат Работ третьему лицу, в этом случае вырученная сумма в полном объеме, за вычетом налогов, поступает в собственность Исполнителя.

#### 4. СТОИМОСТЬ РАБОТ И ПОРЯДОК РАСЧЕТОВ



4.1. Стоимость Работ указывается Сторонами в Приложении №1-п. Стоимость работ НДС не облагается на основании ст.346.11(12) главы 26.2 Налогового кодекса Российской Федерации в связи с применением Исполнителем упрощенной системы налогообложения.

4.2. Если иное не предусмотрено Приложением №1-п оплата по Договору производится в следующем порядке: до начала выполнения Исполнителем каждого этапа Работ Заказчик осуществляет предварительную оплату в размере 100 (сто) процентов от стоимости этапа Работ на основании счета Исполнителя.

При отсутствии мотивированного отказа Заказчика от приема этапа Работ (Работ) в течение 5 рабочих дней со дня получения им Акта, указанного в п. 5.1 Договора, окончательная оплата стоимости этапа Работ должна быть произведена Заказчиком на основании Акта, подписанного Исполнителем в одностороннем порядке, в срок не позднее 5 (пяти) рабочих дней с момента направления Исполнителем счета Заказчику.

4.3. Оплата дополнительных работ, не предусмотренных Договором, производится сверх установленной в п.4.1 Договора договорной цены в порядке, установленном п.4.2 Договора.

4.4. Если иное не предусмотрено Договором, Приложением №1-п или дополнительным соглашением все счета Исполнителя подлежат оплате Заказчиком в срок не позднее 5 (пяти) дней с момента направления счета Заказчику через ЭДО или по электронной почте.

4.5. Способ оплаты по Договору: перечисление Заказчиком денежных средств в валюте Российской Федерации (рубли) на расчетный счет Исполнителя. При этом обязанности Заказчика в части оплаты по Договору считаются исполненными со дня зачисления денежных средств на корреспондентский счет банка Исполнителя при условии корректного заполнения Заказчиком платежного поручения.

## 5. ПОРЯДОК СДАЧИ И ПРИЕМКИ РАБОТ

5.1. Приемка каждого этапа Работ или конечного результата Работ подтверждается подписанием Сторонами акта сдачи-приемки выполненных работ (далее «Акт»), который оформляется в следующем порядке:

Исполнитель по завершении этапа Работ (Работ) представляет Заказчику по электронной почте или посредством ЭДО Акт. Заказчик обязан в течение 5 рабочих дней со дня получения им Акта осмотреть, принять выполненный этап Работ (Работы), подписать Акт (на бумажном носителе или посредством ЭДО) и вернуть Исполнителю 1 (один) экземпляр Акта или в этот же срок направить Исполнителю мотивированный отказ от приема этого этапа Работ (Работ) путем его направления по уполномоченному адресу электронной почты Исполнителя. По истечении указанного срока и при отсутствии мотивированного отказа Заказчика этап Работ (Работы) считаются принятыми Заказчиком в дату направления ему Акта, и подлежащими оплате, в указанном случае Акт, подписанный Исполнителем в одностороннем порядке, имеет полную юридическую силу и подтверждает надлежащее выполнение этапа Работ (Работ).

5.2. Если Задачей предусмотрено разработка документации, то она предоставляется Заказчику в 1 (одном) экземпляре в электронном виде на flash-носителе или сетевом облаке. Документация может быть передана Заказчику путем ее направления на уполномоченный адрес электронной почты Заказчика. В Приложении №1-п Стороны могут предусмотреть изготовление документации на бумажном носителе.

5.3. В случае получения в сроки, указанные в п.5.1. Договора, мотивированного отказа Заказчика от приемки этапа Работ (Работ), Сторонами в течение 5 рабочих дней со дня получения Исполнителем мотивированного отказа составляется двусторонний акт с перечнем необходимых доработок и сроков их выполнения.

5.4. Заказчик, обнаруживший недостатки в этапе Работ (Работах) при их приемке, вправе ссылаться на них в случаях, если в Акте либо в двустороннем акте с перечнем необходимых доработок были оговорены эти недостатки. Заказчик вправе ссылаться на недостатки в этапе Работ (Работах), если недостатки были оговорены в мотивированном отказе, направленном Заказчике в сроки и порядке, установленные п.5.1. Договора.

5.5. При досрочном выполнении Работ по Договору Заказчик обязан принять выполненные Работы по степени их готовности на дату выполнения Работ и оплатить их стоимость (за вычетом предоплаты).

5.6. Стороны согласились, что в целях бухгалтерского и налогового учета датой выполнения работ по соответствующему этапу Работ (Работ) является дата Акта.

5.7. В случае, если Заказчиком полностью оплачены Работы, то одновременно с Актом Стороны подписывают Акт передачи исключительных прав. Если Работы не оплачены полностью, то Акт передачи





исключительных прав подписывается Сторонами в течение 5 (пяти) рабочих дней с момента исполнения Заказчиком обязательств по оплате Стоимости Работ в полном объеме.

## 6. ОТВЕТСТВЕННОСТЬ СТОРОН

- 6.1. Стороны несут ответственность за неисполнение или ненадлежащее исполнение своих обязательств по Договору в соответствии с Договором и законодательством Российской Федерации.
- 6.2. Неустойка по Договору выплачивается только на основании обоснованного письменного требования Стороны.
- 6.3. Выплата неустойки не освобождает Стороны от выполнения обязанностей, предусмотренных Договором.
- 6.4. Ответственность Заказчика:
- 6.4.1. В случае несвоевременной оплаты Работ (этапа Работ) в соответствии с условиями Договора Заказчик обязуется выплатить Исполнителю пени в размере 0,01% в день от стоимости несвоевременно оплаченных Работ за каждый день просрочки, но не более 10% от стоимости Работ.
- 6.4.2. В случае несвоевременной оплаты дополнительных работ Заказчик обязуется выплатить Исполнителю пени в размере 0,01% в день от стоимости несвоевременно оплаченных дополнительных работ за каждый день просрочки, но не более 10% от стоимости дополнительных работ.
- 6.4.3. В случае несвоевременной оплаты счетов поставщиков Заказчик обязуется выплатить Исполнителю пени в размере 0,01% в день от стоимости несвоевременно оплаченного счета за каждый день просрочки, но не более 10% от суммы счета.
- 6.5. Ответственность Исполнителя:
- 6.5.1. В случае несвоевременного выполнения Работ (этапа Работ) Исполнитель обязуется выплатить Заказчику пени в размере 0,01% в день от стоимости этапа Работ по Договору за каждый день просрочки, но не более 10% от стоимости Работ.
- 6.5.2. В случае несвоевременного выполнения дополнительных работ Исполнитель обязуется выплатить Заказчику пени в размере 0,01% в день от стоимости дополнительных работ за каждый день просрочки, но не более 10% от стоимости дополнительных работ.
- 6.5.3. Исполнитель не несет ответственность за просрочку выполнения Работ в случае просрочки оплаты аванса или просрочки предоставления исходных данных, а также в случае изменения исходных данных для выполнения Работ или Задания.
- 6.6. Стороны не несут ответственности за невыполнение своих обязательств по Договору, если оно вызвано действием или бездействием другой Стороны, повлекшим невыполнение ею собственных обязательств по Договору.

## 7. ИСКЛЮЧИТЕЛЬНОЕ ПРАВО НА ПРОИЗВЕДЕНИЕ

- 7.1. Стороны, принимая во внимание диспозитивный характер ст. 1296 ГК РФ, договорились, что исключительные права на результат Работ переходят к Заказчику только после полной оплаты Стоимости Работ. Обусловленность перехода исключительных прав на результат Работ надлежащим исполнением Заказчиком его обязанности по оплате стоимости Работ является существенным условием Договора.
- 7.2. Исполнитель обязуется в срок не позднее 5 (пяти) рабочих дней с момента полной оплаты Стоимости Работ передать Заказчику или иному лицу по указанию Заказчика (далее по тексту - приобретатель) исключительные права на результат Работ полученные при выполнении Задания, путем подписания Акта передачи исключительных прав.
- 7.3. Исключительные права на результат Работ переходят к Заказчику (приобретателю) с момента подписания Исполнителем Акта передачи исключительных прав. Заказчик не вправе до момента оформления Акта передачи исключительных прав публиковать, обнародовать, осуществлять переработку и модификацию результата Работ, а также не вправе распоряжаться результатом Работ.
- 7.4. Исполнитель не вправе отчуждать исключительные права на результат Работ до момента подписания Акта передачи исключительных прав, кроме случая, если Заказчик (приобретатель) уклоняется от приемки Работ более чем в течение 2 (двух) календарных месяцев с момента направления Заказчику Акта согласно ст.5 Договора.
- 7.5. Вознаграждение Исполнителя за передачу Заказчику (приобретателю) исключительного права на результат Работ (на все результаты интеллектуальной деятельности, созданные в процессе исполнения Задания) составляет твердую сумму и, если иное не оговорено в Приложении №1-н, оно включено в Стоимость Работ.



7.6. В случае, если Договор прекращен до получения результата Работ, в том числе ввиду невозможности получить ожидаемые результаты, отрицательного результата или нецелесообразности дальнейшего проведения Работ (п.3.2.12 Договора), Исполнитель обязан в порядке п.7.2 Договора передать Заказчику исключительные права на имеющуюся к моменту прекращения Договора часть результата Работ при условии, что такая часть результата Работ оплачена Заказчиком полностью.

7.7. Приложением №1-п может быть предусмотрено, что Исполнитель вправе требовать от Заказчика предоставления ему права на участие в практической реализации результатов интеллектуальной деятельности.

7.8. Исполнитель гарантирует, что результаты интеллектуальной деятельности, созданные в процессе исполнения Договора, являются результатом самостоятельных технических и организационных решений, не заимствованы и не скопированы у третьих лиц.

7.9. Исполнитель гарантирует, что он предоставит Заказчику результаты интеллектуальной деятельности по настоящему Договору свободными от права его автора (авторов) на участие в практической реализации результата работ.

7.10. Исполнитель имеет право на размещение образного технического описания результатов интеллектуальной деятельности в портфолио на официальных интернет-сайтах Исполнителя <https://fraxis.ru/>.

7.11. Условия, содержащиеся в настоящем разделе Договора, не ограничены сроком действия Договора и сохраняют для Сторон юридическую силу до наступления наиболее позднее из событий: окончание срока действия всех охранных документов на результаты интеллектуальной деятельности, созданные по настоящему Договору, истечение 49 (сорока девяти) лет с момента подписания настоящего Договора.

## 8. ГАРАНТИИ

8.1. Если иное не предусмотрено Приложением №1-п, то Гарантийный срок на результат Работ, его модификации, доработку, переработку не устанавливается.

8.2. В Задании Сторонами может быть установлен испытательный срок для тестирования Заказчиком результата Работ. В этом случае срок обнаружения Заказчиком ненадлежащего качества работ, в т.ч. доработанного ПО устанавливается в пределах испытательного срока.

## 9. ОСНОВАНИЯ И ПОРЯДОК РАСТОРЖЕНИЯ ДОГОВОРА

9.1. Договор может быть расторгнут по соглашению Сторон, а также в одностороннем порядке по письменному требованию одной из Сторон по основаниям, предусмотренным Договором и законодательством с предварительным уведомлением другой Стороны не позднее чем за 10 (десять) календарных дней.

## 10. РАЗРЕШЕНИЕ СПОРОВ ИЗ ДОГОВОРА

10.1. Претензионный порядок является обязательным, дублирование писем, уведомлений и претензий по уполномоченному адресу электронной почты Стороны-получателя является обязательным. Сторона должна направить письменный ответ по существу писем, уведомлений или претензий в срок не позднее 15 (пятнадцати) рабочих дней с момента их получения, если иные сроки рассмотрения не предусмотрены настоящим Договором.

10.2. Неурегулированные путем переговоров споры, которые могут возникнуть при выполнении Договора, подлежат рассмотрению в Арбитражном суде г. Москвы и Суде по интеллектуальным правам в соответствии с их компетенцией.

## 11. ФОРС-МАЖОР

11.1. Стороны освобождаются от ответственности за полное или частичное неисполнение обязательств по Договору в случае, если неисполнение обязательств явилось следствием действий непреодолимой силы, а именно: пожара, наводнения, землетрясения, забастовки, войны, действий органов государственной власти или других независящих от Сторон обстоятельств.

11.2. Стороны подтверждают и соглашаются, что распространение коронавирусной инфекции, специальная военная операция, режимы повышенной готовности, полная или частичная мобилизация, введение на части территории РФ военного положения или иных специальных режимов, а также принимаемые органами власти Российской Федерации и региональными властями меры, ограничения и запреты, которые ни разу не вводились в течение 20 (двадцати) лет до момента подписания Договора, могут исключать и препятствовать в какой-либо степени исполнению Исполнителем своих обязательств перед Заказчиком по настоящему Договору.

11.3. Стороны подтверждают и соглашаются, что прямые и косвенные запреты и ограничения транспортного сообщения между РФ и другими странами, экспорта, импорта, банковских переводов, ввоза на территорию РФ имущества и прав, введение санкций в отношении РФ (далее совместно «затруднения во



внешнеэкономическом сотрудничестве») могут исключать и препятствовать в какой-либо степени исполнению Исполнителем своих обязательств перед Заказчиком по настоящему Договору.

11.4. Стороны пришли к соглашению о том, что если иное не будет прямо предусмотрено соответствующими Федеральными законами, Указами Президента Российской Федерации либо нормативным актом Правительства Российской Федерации, то затруднения во внешнеэкономическом сотрудничестве, распространение коронавирусной инфекции, специальная военная операция, режимы повышенной готовности, полная или частичная мобилизация, введение на части территории РФ военного положения или иных специальных режимов, а также принимаемые органами власти Российской Федерации и региональными властями меры, ограничения и запреты, которые ни разу не вводились в течение 20 (двадцати) лет до момента подписания Договора, являются для Исполнителя обстоятельствами непреодолимой силы либо обстоятельствами, на которые Исполнитель будет вправе ссылаться в качестве основания для изменения или прекращения обязательств по настоящему Договору, существенного изменения обстоятельств, дающего право на изменение или расторжение Договора, либо обстоятельств, освобождающих Исполнителя от ответственности перед Заказчиком за неисполнение или ненадлежащее исполнение Заказчиком своих обязательств по Договору.

11.5. Стороны соглашаются с тем, что обстоятельства, указанные в настоящем разделе Договора, не обязательно подтверждать в качестве обстоятельства непреодолимой силы заключением Московской торгово-промышленной палаты либо Торгово-промышленной палаты иного региона, либо Торгово-промышленной палаты Российской Федерации, поскольку Стороны прямо признают указанное обстоятельствами форс-мажора.

11.6. Сторона, для которой создалась невозможность исполнения обязательств по настоящему Договору в виду возникновения обстоятельств непреодолимой силы, должна в течение 5 (пять) рабочих дней в письменном виде известить другую сторону о наступлении и прекращении таких обстоятельств. Не извещение в срок или ненадлежащее извещение об обстоятельствах непреодолимой силы лишает Сторону права ссылаться на них.

11.7. Сторона, которая не может выполнить обязательства по Договору, должна своевременно, но не позднее 5 календарных дней после наступления обстоятельств непреодолимой силы, письменно известить другую Сторону, с предоставлением обосновывающих документов, выданных компетентными органами.

11.8. Стороны признают, что неплатежеспособность Сторон не является форс-мажорным обстоятельством.

## 12. Прочие условия

12.1. Стороны не имеют никаких сопутствующих устных договоренностей. Содержание текста Договора полностью соответствует действительному волеизъявлению Сторон.

12.2. При заключении Договора Стороны исходят из того, что к их правоотношениям применяется глава 38 второй части и раздел VII. четвертой части Гражданского кодекса Российской Федерации.

12.3. Все изменения и дополнения в Договор вносятся по взаимному соглашению Сторон путем подписания дополнительного соглашения.

12.4. Вся переписка по предмету Договора, предшествующая его заключению, теряет юридическую силу со дня заключения Договора.

12.5. Все уведомления, сообщения, извещения и иные документы, которые должны либо могут быть направлены в рамках Договора, должны быть исполнены в письменном виде, подписаны уполномоченным представителем Стороны-отправителя и могут быть направлены в адрес Стороны-получателя одним из следующих способов, при этом документ будет считаться полученным:

- доставкой курьером Стороны-отправителя – в день приема документа Стороной-получателем у курьера с отметкой Стороны-получателя о получении;
- Почтой России с уведомлением о вручении и описью вложения – по истечении 10 (десяти) календарных дней с момента отправления;
- по уполномоченному адресу электронной почты - в дату направления документа, предусмотренного п.12.6 Договором.

12.6. Акты сдачи - приемки выполненных работ, счета, мотивированный отказ Заказчика от приемки работ, результат Работ, исходный код ПО, разработанная Исполнителем документация в рамках Задания, уведомление о приостановлении Работ, уведомления и запросы Исполнителя, запросы Заказчика о предоставлении информации о ходе исполнения Договора, ответы на указанные в настоящем пункте запросы, могут быть направлены по уполномоченному адресу электронной почты Стороны (электронное сообщение). Настоящим Стороны подтверждают, что указанные в настоящем пункте документы, направленные с использованием уполномоченных адресов электронной почты Сторон, имеют полную юридическую силу, обязательны для исполнения Сторонами, считаются подписанными Стороной отправителем и полученными Стороной-получателем в дату их направления Стороной-получателю по ее уполномоченному адресу электронной почты. Стороны договорились, что прямо неназванные в настоящем пункте документы,



уведомления, сообщения, извещения Стороны подписывают собственноручно и использование аналогов собственноручной подписи сторон не допускается.

12.7. Уполномоченными адресами электронной почты Сторон признаются адреса электронной почты, указанные в разделе 14 Договора.

12.8. Настоящим Стороны соглашаются в целях и в связи с исполнением своих обязательств по Договору осуществлять электронный обмен счетами и актами по телекоммуникационным каналам связи в системе электронного документооборота (далее по тексту – ЭДО), подписанными электронной подписью. Организация ЭДО между Сторонами не отменяет использование иных способов изготовления и обмена документами между Сторонами. Стороны осуществляют работу через оператора: Контур Диадок ([www.diadoc.ru](http://www.diadoc.ru)). Стороны, в целях верификации подлинности передаваемой посредством ЭДО информации, утверждают использование усиленной квалифицированной электронной подписи (далее ЭП), сформированной в соответствии с Федеральным законом от 06.04.2011 N 63-ФЗ «Об электронной подписи». Стороны самостоятельно, за свой счет, получают ЭП и обеспечивают её использование в ЭДО. Стороны признают, что используемые средства подготовки, передачи и проверки электронных документов достаточны для обеспечения надежного и безопасного документооборота. В случае возникновения каких-либо технических ограничений на использование средств подготовки, передачи и проверки электронных документов Стороны обязуются незамедлительно поставить об этом в известность другую Сторону. Электронный документ, подписанный ЭП, содержание которого соответствует требованиям нормативных правовых актов, должен приниматься Сторонами к учету в качестве первичного учетного документа, использоваться в качестве доказательства в судебных разбирательствах, предоставляться в государственные органы по запросам последних. Стороны признают, что используемые электронные документы, подписанные ЭП уполномоченных представителей Сторон, имеют равную юридическую силу с документами на бумажном носителе, подписанными уполномоченными представителями и заверенными оттисками печатей Сторон (независимо от того существуют такие документы на бумажных носителях или нет), в случае подтверждения подлинности ЭП в электронном документе. Стороны признают используемую в ЭДО систему защиты информации достаточной для защиты от несанкционированного доступа, контроля целостности передаваемых данных.

12.9. Стороны обязуются обеспечивать конфиденциальность сведений и информации, необходимых для доступа к уполномоченным адресам электронной почты, не допускать разглашение такой информации и передачу третьим лицам. Стороны самостоятельно определяют порядок ограничения доступа к такой информации. Но в любом случае Стороны обязаны предпринять все необходимые меры безопасности для исключения доступа третьих лиц к логину и паролю от уполномоченного адреса электронной почты.

12.10. До момента получения от соответствующей Стороны информации о нарушении режима конфиденциальности, все действия и документы, совершенные и направленные с помощью уполномоченного адреса электронной почты соответствующей Стороны-отправителя, даже если такие действия и документы были совершены и направлены иными лицами, считаются совершенными и направленными Стороной-отправителем. В этом случае права и обязанности, а также ответственность наступают у Стороны-отправителя.

12.11. Стороны признают, что, если какое-либо из положений Договора становится недействительным в течение срока его действия вследствие изменения законодательства, остальные положения Договора обязательны для Сторон в течение срока действия Договора.

12.12. Договор подписан посредством ЭДО в форме электронного документа. По требованию одной из Сторон настоящий Договор может быть составлен на бумажном носителе в 2 (двух) подлинных экземплярах на русском языке по одному для каждой из Сторон.



**13. СПИСОК ПРИЛОЖЕНИЙ**

13.1. Приложение №1-п — Задание, календарный план и стоимость Работ.

**14. АДРЕСА, РЕКВИЗИТЫ И ПОДПИСИ СТОРОН**

**Заказчик:**

ИП Салтанов Иван Викторович  
адрес: 115142, г. Москва, ул. Корабельная, д 9А, кв  
151  
Тел.: +79773304175  
ОГРН: 318190100008073  
ИНН: 190202499907  
Р/сч: 40802810300000533157  
Банк: АО "ТИНЬКОФФ БАНК"  
БИК: 044525974  
Кор/сч: 30101810145250000974

Уполномоченный адрес электронной почты:  
sivs@yandex.ru

Индивидуальный предприниматель

\_\_\_\_\_/Салтанов И.В./

**Исполнитель:**

ООО «ФРАКСИС»  
адрес:115280,г. Москва, вн.тер.г. муниципальный  
округ Даниловский, ул. Ленинская Слобода,  
д. 23, стр. 7, помещ. 4, ком. 1  
Тел.: +7-999-842-6782  
ОГРН: 1207700213632  
ИНН: 7726465440  
Р/сч: 40702810502500066915  
Банк: Банк Точка  
БИК: 044525104  
Кор/сч: 30101810745374525104в ГУ банка России  
по ЦФО

Уполномоченный адрес электронной почты:  
vk@fraxis.ru



Генеральный директор

\_\_\_\_\_/Костромин В.В./





## Документ подписан и передан через оператора ЭДО АО «ПФ «СКБ Контур»

|                      | Владелец сертификата: организация, сотрудник   | Сертификат: серийный номер, период действия   | Дата и время подписания   |
|----------------------|--|---|---|
| Подписи отправителя: |  ООО "ФРАКСИС"<br>Костромин Василий Владимирович,<br>ГЕНЕРАЛЬНЫЙ ДИРЕКТОР | 01F312D10073AFCDA44B01836F475A359B<br>с 22.12.2022 15:31 по 22.03.2024 15:31<br>GMT+03:00 | 02.08.2023 17:52 GMT+03:00<br>Подпись соответствует файлу документа |
| Подписи получателя:  |  Салтанов Иван Викторович   | 01E1308D00F2AFC28B4824BAB20D0C1F2F<br>с 28.04.2023 11:24 по 28.07.2024 11:24<br>GMT+03:00 | 02.08.2023 22:53 GMT+03:00<br>Подпись соответствует файлу документа |



**ДОГОВОР № 2301/2023**  
**НА ВОЗМЕЗДНОЕ ОКАЗАНИЕ УСЛУГ**

г. Москва

« 12 » мая 2023 г.

**Индивидуальный предприниматель Салтанов Иван Викторович (ИП Салтанов Иван Викторович)** (запись о приобретении физическим лицом статуса индивидуального предпринимателя внесена Управлением Федеральной налоговой службы по Республике Хакасия 10 мая 2018 года, основной государственный регистрационный номер индивидуального предпринимателя 318190100008073), именуемый в дальнейшем «**Заказчик**», с одной стороны, и **федеральное государственное автономное образовательное учреждение высшего образования «Национальный исследовательский университет «Московский институт электронной техники» (МИЭТ)**, именуемое в дальнейшем «**Исполнитель**», в лице Проректора по научной работе МИЭТ Гаврилова Сергея Александровича, действующего на основании доверенности № 1142 от 25.06.2021, с другой стороны, вместе именуемые «**Стороны**», заключили настоящий Договор, именуемый в дальнейшем «**Договор**», о нижеследующем:

### 1. Предмет Договора

1.1. Исполнитель по заданию Заказчика обязуется выполнить, а Заказчик обязуется принять и оплатить оказанные услуги по исследованию образцов Заказчика (далее – «Услуги») в соответствии с Перечнем Услуг по исследованию образцов на аналитическом и технологическом оборудовании ЦКП «МСТ и ЭКБ» (Приложение № 4), являющийся неотъемлемой частью Договора и согласовывается Сторонами путем подписания Дополнительных соглашений к Договору.

1.2. Технические требования к оказанию Услуг указываются в соответствующем Техническом задании к Дополнительному соглашению, форма которого приведена в Приложении № 1 к Договору. Техническое задание является неотъемлемой частью Договора и согласовывается Сторонами отдельно для каждого Дополнительного соглашения на выполнение определенного вида и объема Услуг (заказа) перед началом его выполнения.

1.3. Исполнитель по каждому заказу, оформленному Дополнительным соглашением к Договору, оказывает Услуги в срок, установленный соответствующим Техническим заданием, после подписания соответствующей Спецификации-протокола согласования договорной цены этого заказа, форма которой приведена в Приложении № 2 к Договору. Спецификация-протокол согласования договорной цены является неотъемлемой частью Договора и согласовывается Сторонами отдельно для каждого заказа перед началом исполнения заказа.

1.4. Заказчик передает Исполнителю образцы, необходимые для оказания Услуги по Дополнительному соглашению по акту приема-передачи образцов. Если в момент приемки Образцов обнаружен брак или какие-либо недостатки, Исполнитель обязан указать это в акте приема-передачи образцов.

Ответственность за сохранность Образцов до полного оказания Услуги несет Исполнитель.

Возврат неиспользованных Образцов, полученных от Заказчика, осуществляется Исполнителем на основании акта приема-передачи образцов с пометкой «возврат».

В случае если в процессе оказания Услуги часть или все Образцы будут повреждены и/или уничтожены, Исполнитель в Акте сдачи-приемки (Приложение № 3 к Договору) делает соответствующую запись с указанием количества поврежденных и/или уничтоженных Образцов и причины повреждения и/или уничтожения.

### 2. Цена и порядок оплаты оказанных Услуг

2.1. Стоимость Услуг определяется Исполнителем на основании Технического задания отдельно для каждого заказа, согласовывается с Заказчиком и указывается в Спецификации-протоколе согласования договорной цены.



2.2. В случае отмены заказа Заказчик обязан возместить Исполнителю понесенные документально подтвержденные убытки, связанные с выполнением данного заказа.

2.3. Оплата Услуг по каждому заказу осуществляется Заказчиком в безналичном порядке в течение 7 (Семи) рабочих дней с момента приемки оказанных услуг по каждому заказу на основании подписанного Акта сдачи-приемки оказанных Услуг по каждому заказу и выставленного Исполнителем счета, путем перевода денежных средств на лицевой счет Исполнителя, указанный в Договоре.

Услуги считаются принятыми с даты подписания Заказчиком Акта.

2.4. Датой исполнения обязательств по оплате по каждому заказу считается дата зачисления денежных средств на лицевой счет Исполнителя.

### **3. Порядок сдачи-приемки оказанных Услуг**

3.1. По факту оказания Услуг по каждому заказу, предусмотренных Спецификацией-протоколом согласования договорной цены, Исполнитель направляет Заказчику Акт сдачи-приемки оказанных Услуг (Приложение № 3 к Договору).

3.2. Заказчик обязан в течение 5 (Пяти) рабочих дней рассмотреть и подписать Акт сдачи-приемки оказанных Услуг или направить Исполнителю мотивированный отказ.

3.3. В случае мотивированного отказа от приемки оказанных Услуг, Сторонами составляется акт с перечнем необходимых доработок и сроков их проведения.

3.4. Исполнитель обязан в соответствии с актом, указанным в п.3.3 Договора, устранить выявленные недоработки.

3.5. Датой исполнения обязательств по каждому заказу считается дата подписания Заказчиком Акта сдачи-приемки оказанных Услуг по каждому заказу.

### **4. Права и обязанности Сторон**

4.1. Исполнитель вправе:

- запрашивать и получать от Заказчика данные и иную информацию, необходимую для оказания Услуг по Договору;
- требовать от Заказчика приемки и оплаты оказанных Услуг в соответствии с условиями Договора;
- приостановить оказание Услуг, поставив об этом в известность Заказчика, если в процессе оказания Услуг выясняется нецелесообразность их дальнейшего оказания.

4.2. Заказчик вправе:

- проверять ход и качество выполнения Исполнителем условий Договора, без вмешательства в оперативно-хозяйственную деятельность Исполнителя;
- в течение 30 (Тридцати) рабочих дней с момента приемки результатов оказанных Услуг предъявлять к Исполнителю обоснованные претензии по их результатам;
- требовать возмещения убытков, причиненных по вине Исполнителя.

4.3. Исполнитель обязан:

- своевременно и качественно оказать Услуги в соответствии с условиями Договора и соответствующего ТЗ;
- предоставлять Заказчику по его требованию документы, относящиеся к предмету Договора.

4.4. Заказчик обязан:

- передать Исполнителю Образцы, предусмотренные конкретным Техническим заданием, для оказания Услуг в объеме, достаточном для проведения необходимого исследования;
- принять и оплатить оказанные Услуги в соответствии с условиями Договора.

### **5. Ответственность Сторон**

5.1. За невыполнение или ненадлежащее выполнение обязательств по Договору Стороны несут ответственность в соответствии с законодательством Российской Федерации и условиями Договора.



5.2. В случае полного (частичного) невыполнения условий Договора одной из Сторон эта Сторона обязана возместить другой Стороне причиненные убытки в части, не покрытой неустойкой.

5.3. В случае нарушения сроков, оговоренных в п. 2.3. Договора, Исполнитель вправе потребовать неустойку в размере 0,1 % (Ноль целых одна десятая процента) от суммы просроченного платежа за каждый день просрочки, но не более 10 % (Десяти процентов) от стоимости Услуг.

5.4. В случае нарушения Исполнителем сроков, оговоренных соответствующим Техническим заданием Заказчик вправе потребовать неустойку в размере 0,1% (Ноль целых одна десятая процента) от стоимости несвоевременно оказанных Услуг за каждый день просрочки, но не более 10% (Десяти процентов) от стоимости Услуг.

5.5. Применение штрафных санкций осуществляется на основании предъявления письменной претензии и не освобождает Стороны от исполнения обязательств по Договору.

## **6. Обстоятельства непреодолимой силы**

6.1. Ни одна из Сторон не будет нести ответственность за полное или частичное неисполнение обязательств по Договору, если это неисполнение вызвано обстоятельствами непреодолимой силы, а именно: стихийными бедствиями (землетрясение, наводнение, ураган), пожаром, массовыми заболеваниями (эпидемии), забастовками, военными действиями, террористическими актами, диверсиями, ограничениями перевозок, запретительными мерами государств, запретом торговых операций, в том числе с отдельными странами, вследствие принятия международных санкций и другие, не зависящие от воли сторон договора обстоятельства, а также обстоятельства, ставшие следствием предписаний, приказов или иного административного вмешательства со стороны правительства, или каких-либо других постановлений, административных или правительственных ограничений, препятствующих надлежащему исполнению обязательств по Договору, а также другие чрезвычайные обстоятельства, которые возникли после заключения Договора и непосредственно повлияли на исполнение его Сторонами своих обязательств, а также которые Стороны Договора были не в состоянии предвидеть и предотвратить.

Свидетельство, выданное соответствующим компетентным органом, и/или соответствующий нормативный акт (предписание, указ, распоряжение) правительства и иных органов государственной власти является достаточным подтверждением наличия и продолжительности действия непреодолимой силы.

Срок исполнения обязательств отодвигается соразмерно времени, в течение которого действовали такие обстоятельства и их последствия.

## **7. Порядок разрешения споров**

7.1. Разногласия и споры, возникшие при исполнении Договора, Стороны договорились разрешать путем переговоров.

7.2. В случае невозможности разрешения спора путем переговоров применяется досудебный (претензионный) порядок разрешения споров. Все претензии принимаются к рассмотрению, устранению, исполнению только в письменном виде. Ответ на претензию должен быть направлен контрагенту в течение 15 (Пятнадцати) календарных дней со дня ее получения.

7.3. Все неурегулированные в процессе переговоров споры и разногласия передаются на разрешение в Арбитражный суд г. Москвы.

7.4. Во всем, что не предусмотрено в Договоре Стороны руководствуются действующем Законодательством Российской Федерации.

## **8. Срок действия Договора**

8.1. Договор вступает в силу с даты его подписания Сторонами и действует до «31» декабря 2023 г.



8.2. Расторжение Договора (в том числе досрочное) допускается по соглашению Сторон, по решению суда или в результате одностороннего отказа Стороны от исполнения Договора по основаниям, предусмотренным гражданским законодательством.

8.3. При досрочном расторжении Договора по инициативе любой из Сторон заинтересованная Сторона письменно уведомляет другую Сторону за 30 (Тридцать) дней до предполагаемой даты расторжения Договора и Стороны при этом подписывают соглашение о расторжении Договора.

## **9. Конфиденциальность**

9.1. Условия Договора, дополнительных соглашений к нему и иная информация, полученная Сторонами в соответствии с Договором, конфиденциальны и не подлежат разглашению.

9.2. Стороны обязуются соблюдать конфиденциальность информации, относящейся к предмету Договора в течение всего срока действия Договора, а также в течение 3 (Трех) лет по истечении срока его действия.

## **10. Заключительные положения**

10.1. Договор составлен в 2 (Двух) экземплярах, идентичных по содержанию и имеющих одинаковую юридическую силу по одному экземпляру для каждой из Сторон.

10.2. Об изменении адреса и банковских реквизитов Стороны уведомляют друг друга в письменной форме в пятидневный срок после регистрации таких изменений, при этом заключение дополнительного соглашения не требуется.

10.3. Изменения и дополнения вносятся в Договор путем подписания уполномоченными представителями Сторон соответствующих дополнительных соглашений.

10.4. В случае если условиями Договора установлен срок исполнения обязательства, исчисляемый в рабочих днях, рабочим считается день, который не признается в соответствии с законодательством Российской Федерации выходным и (или) нерабочим праздничным днем (при условии режима рабочего времени пятидневной рабочей недели с двумя выходными днями – субботой и воскресеньем). В случае если последний день срока исполнения обязательства приходится на выходной или нерабочий праздничный день, то окончание срока переносится на ближайший за ним рабочий день.

10.5. Все сообщения, предупреждения, уведомления, заявления, претензии и иные юридически значимые сообщения Сторон в ходе исполнения Договора направляются Сторонами в письменной форме посредством электронной почты, а также через операторов почтовой связи общего пользования заказным письмом с уведомлением о вручении по почтовому адресу, указанному в разделе 11 Договора, либо передаются нарочным под подпись уполномоченному представителю принимающей Стороны.

10.6. Неотъемлемыми частями Договора являются следующие приложения:

Приложение № 1 «Форма технического задания»;

Приложение № 2 «Форма спецификации-протокола согласования договорной цены»;

Приложение № 3 «Форма Акта сдачи-приемки оказанных услуг».

Приложение № 4 «Перечень Услуг по исследованию образцов на аналитическом и технологическом оборудовании ЦКП «МСТ и ЭКБ».



## 11. Юридические адреса и банковские реквизиты Сторон

### Заказчик:

**ИП Салтанов Иван Викторович**

### Адрес:

115142, Россия, г. Москва, ул. Корабельная,  
д. 9А, кв. 151

ИНН: 190202499907

р/с 40802810300000533157

в АО "ТИНЬКОФФ БАНК", г. Москва

к/с 30101810145250000974

БИК 044525974

### Исполнитель:

**федеральное государственное автономное  
образовательное учреждение высшего образования  
«Национальный исследовательский университет  
«Московский институт электронной техники»  
(МИЭТ)**

**Адрес:** 124498, г. Москва, г. Зеленоград,  
пл. Шокина, д.1

ИНН: 7735041133 КПП 773501001

УФК по г. Москве (МИЭТ л/с 30736Ц02250)

ГУ БАНКА РОССИИ ПО ЦФО//УФК ПО Г. МОСКВЕ  
г. Москва

БИК 004525988

Казначейский счет 03214643000000017300

Единый Казначейский Счет 40102810545370000003

КБК 00000000000000000130

**ИП Салтанов Иван Викторович**



И.В. Салтанов  
2023 г.

**Проректор по научной работе МИЭТ**



С.А. Гаврилов  
2023 г.



**ФОРМА**

СОГЛАСОВАНО

УТВЕРЖДАЮ

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_  
«\_\_» \_\_\_\_\_ 20\_\_ г.  
М.П.

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_  
«\_\_» \_\_\_\_\_ 20\_\_ г.  
М.П.

**ТЕХНИЧЕСКОЕ ЗАДАНИЕ № \_\_\_\_\_**

**1. Заказчик:**

Индивидуальный предприниматель Салтанов Иван Викторович.

**2. Исполнитель:**

Федеральное государственное автономное образовательное учреждение высшего образования «Национальный исследовательский университет «Московский институт электронной техники» (МИЭТ).

**3. Содержание и объем оказываемых Услуг:**

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

**4. Дополнительные условия по оказанию Услуг:**

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

**5. Требования к оказанным Услугам:**

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

**6. Результат оказания Услуг:**

6.1. \_\_\_\_\_

6.2. \_\_\_\_\_



7. Сроки оказания Услуг: \_\_\_\_\_.

8. Место оказания Услуг: \_\_\_\_\_.

Ответственное лицо  
со стороны заказчика

Ответственное лицо  
со стороны исполнителя

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 202\_ г.

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 202\_ г.

**ФОРМА СОГЛАСОВАНА:**

**ИП Салтанов Иван Викторович**

**Проректор по научной работе МИЭТ**



И.В. Салтанов  
2023 г.

М.П.

Салтанов  
Иван  
Викторович



С.А. Гаврилов  
2023 г.

М.П.



Приложение № 2  
к Договору № 2301/2023  
от «12» мая 2023 г.

**ФОРМА**

**СПЕЦИФИКАЦИЯ-ПРОТОКОЛ согласования договорной цены № \_\_\_\_\_**

| № п/п | Наименование оказываемых Услуг | Длительность оказания Услуг (час) | Стоимость Услуг, в т.ч. НДС 20 %, (руб./час) | Общая стоимость Услуг (цена), в т.ч. НДС 20 %, (руб.) | Сроки оказания Услуг | Перечень представляемых отчетных материалов |
|-------|--------------------------------|-----------------------------------|--|---|----------------------|---|
| 1.    |                                |                                   |  |   |                      |   |
| 2.    |                                |                                   |  |   |                      |   |
| 3.    |                                |                                   |  |   |                      |   |
| 4.    |                                |                                   |  |   |                      |   |

ИТОГО: \_\_\_\_\_ ( \_\_\_\_\_ ) руб.

Заказчик \_\_\_\_\_

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 202\_\_ г.  
М.П.

Исполнитель \_\_\_\_\_

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 202\_\_ г.  
М.П.

**ФОРМА СОГЛАСОВАНА:**

Заказчик

ИП Салтанов Иван Викторович



« 12 » \_\_\_\_\_ 2023 г.

И.В. Салтанов



Исполнитель

Проректор по научной работе МИИТ

С.А. Гаврилов

« 12 » \_\_\_\_\_ 2023 г.

М.П.



**ФОРМА АКТА сдачи-приемки оказанных услуг**

| Заказчик                          | Исполнитель                         |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| (указываются реквизиты Заказчика) | (указываются реквизиты Исполнителя) |

**АКТ № \_\_\_\_\_  
сдачи-приемки оказанных услуг**

г. Москва

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 202\_ г.

Мы, нижеподписавшиеся, Заказчик, в лице \_\_\_\_\_, действующего на основании \_\_\_\_\_, с одной стороны, и Исполнитель в лице \_\_\_\_\_, действующего на основании \_\_\_\_\_, с другой стороны, совместно именуемые в дальнейшем «Стороны», составили настоящий Акт сдачи-приемки оказанных услуг (далее – «Акт») к Договору № \_\_\_\_\_ от « \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 20\_ г. (далее – «Договор») о нижеследующем:

Оказанные Услуги удовлетворяют условиям Соглашения № \_\_\_\_\_, Договора, Технического задания № \_\_\_\_\_, отчетная документация оформлена в надлежащем порядке.

Краткое описание оказанных Услуг:

Краткое описание оказанных услуг: \_\_\_\_\_

Общая стоимость оказанных услуг в соответствии со Спецификацией-протоколом согласования договорной цены № \_\_\_\_\_ к Договору составляет \_\_\_\_\_ (Прописью) руб., в том числе НДС 20 % - \_\_\_\_\_.

Авансовый платеж не предусмотрен.

Следует к перечислению: \_\_\_\_\_ (Прописью) руб., в том числе НДС 20 % - \_\_\_\_\_.

Подписанием Акта каждая из Сторон подтверждает, что услуги по Спецификации-протоколу согласования договорной цены № \_\_\_\_\_ к Договору оказаны своевременно и в полном объеме в соответствии с требованиями Договора и Технического задания № \_\_\_\_\_ к Договору.

Стороны претензий друг к другу не имеют.

Акт составлен в 2 (Двух) экземплярах, имеющих одинаковую юридическую силу, по одному экземпляру для каждой из Сторон.

**Заказчик**

**Исполнитель**

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 20\_ г.  
МП \_\_\_\_\_

« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 20\_ г.  
МП \_\_\_\_\_

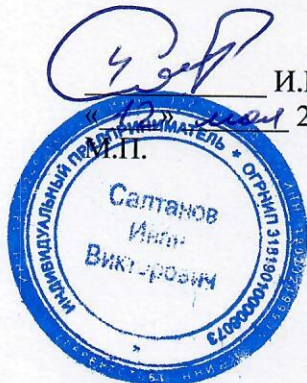
**Форма АКТА сдачи-приемки оказанных услуг Сторонам согласована.**

**Заказчик**

**Исполнитель**

ИП Салтанов Иван Викторович

Проректор по научной работе МИЭТ



И.В. Салтанов  
« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 2023 г.



С.А. Гаврилов  
« \_\_\_\_\_ » \_\_\_\_\_ 2023 г.





**УТВЕРЖДАЮ**

Проректор по научной работе  
МИЭТ  
С.А. Гаврилов  
М.П.

**Перечень услуг по исследованию образцов и моделей на аналитическом и технологическом оборудовании ЦКП «МСТ и ЭКБ»**

| № п/п     | Перечень услуг по исследованию образцов  | Стоимость 1 часа работы оборудования, руб. |
|-----------|--|--|
| <b>1.</b> | <b>На аналитическом оборудовании</b>   |  |
| 1.1.      | Проведение исследований на акустическом микроскопе KSI-350   | 3 000,00                                   |
| 1.2.      | Проведение исследований на атомно-силовом микроскопе SmartSPM, AIST-NT   | 2 500,00*                                  |
| 1.3.      | Проведение исследований на времяпролетном вторично-ионном масс-спектрометре IonTOF SIMS 5-100  | 6 000,00                                   |
| 1.4.      | Проведение исследований на оборудовании двулучевой системе FEI Quanta 3D FEG (без использования ионного пучка)   | 5 500,00                                   |
| 1.5.      | Проведение исследований на двулучевой системе FEI Quanta 3D FEG с использованием фокусированного ионного пучка и системы подачи газа   | 7 500,00                                   |
| 1.6.      | Проведение исследований на контактном профилометре Alpha-Step 200  | 800,00                                     |
| 1.7.      | Проведение исследований на контактном профилометре Alpha-Step D120   | 1 400,00                                   |
| 1.8.      | Проведение исследований на многофункциональном рентгеновском дифрактометре Smart Lab, Rigaku   | 4 500,00                                   |
| 1.9.      | Проведение исследований на оборудовании Оже-микросонд PHI-670 xi   | 5 000,00                                   |
| 1.10.     | Проведение исследований на оптическом профилометре Veeco Wyko NT 9300  | 3 000,00                                   |
| 1.12.     | Проведение исследований на просвечивающем электронном микроскопе   | 10 000,00                                  |
| 1.13.     | Проведение исследований на растровом электронном микроскопе JEOL JSM-6490 LV   | 4 500,00                                   |
| 1.14.     | Проведение исследований на растровом электронном микроскопе JEOL JSM-6490 LV с термостолком для регулировки температуры образца Deben Coolstage MK3  | 5 000,00                                   |
| 1.15.     | Проведение исследований на растровом электронном микроскопе JEOL JSM-6490 LV с энергодисперсионным спектрометром Quantax XFlash 6  | 5 000,00                                   |
| 1.16.     | Проведение исследований на растровом электронном микроскопе JEOL JSM-6490 LV с энергодисперсионным спектрометром Quantax XFlash 6 с модульной системой дифракции обратнорассеянных электронов QUANTAX CrystAlign 200 | 5 000,00                                   |
| 1.17.     | Проведение исследований на системе по изучению магнитооптического эффекта Керра  | 8 000,00                                   |
| 1.18.     | Проведение исследований на установке для ионного травления и полировки FISCHIONE Model 1060  | 3 000,00                                   |



|           |   |           |
|-----------|---|-----------|
| 1.19.     | Проведение исследований на четырехзондовой установке Quad-Pro   | 1 700,00  |
| 1.20.     | Проведение исследований на эллипсометре со спектральным диапазоном 440-850 нм AutoSe System   | 1 700,00  |
| 1.21.     | Проведение исследований на эллипсометре со спектральным диапазоном 250-2100 нм Uvisel 2   | 2 500,00  |
| 1.22.     | Проведение исследований на оптическом микроскопе Nikon  | 1 000,00  |
| 1.23.     | Проведение исследований на ИК (тепловизионный) микроскоп FLIR Microscopy Standart   | 2 200,00  |
| 1.24.     | Проведение исследований на автоматизированном рабочем месте измерения характеристик полупроводниковых устройств в диапазоне частот до 40 ГГц для создания их математических моделей   | 2 200,00  |
| <b>2.</b> | <b>На аппаратно-программных комплексах</b>  |           |
| 2.1       | Проведение моделирования СБИС на тестовых сценариях предоставленных заказчиком с использованием ПАК организации технологических процессов коммерческого проектирования интегральных микросхем   | 2 400,00  |
| 2.2       | Проведение моделирования СВЧ МИС на тестовых сценариях предоставленных заказчиком с использованием аппаратно-программного комплекса для измерений X-, S- параметров и анализа характеристик усилителей, фильтров, смесителей, материалов, высокоскоростных межсоединений в диапазоне частот до 40 ГГц | 2 600,00  |
| 2.3       | Проведение моделирования СВЧ МИС на тестовых сценариях предоставленных заказчиком с использованием аппаратно-программного комплекса для проектирования СВЧ МИС  | 2 600,00  |
| <b>3.</b> | <b>На технологическом оборудовании</b>  |           |
| 3.1.      | Контактная фотолитография   | 7 500,00  |
| 3.2.      | Печные термические процессы окисления и осаждения диэлектриков  | 4 200,00  |
| 3.3.      | Печные плазменные процессы (PE CVD)   | 6 000,00  |
| 3.4.      | Химическая обработка спреевая   | 5 000,00  |
| 3.5.      | Жидкостные химические процессы  | 4 500,00  |
| 3.6.      | Плазмохимическое травление металлов и диэлектриков  | 12 000,00 |
| 3.7.      | Плазмохимическое травление кремния (Bosch процесс)  | 6 200,00  |
| 3.8.      | Магнетронное напыление металлов   | 8 000,00  |
| 3.9.      | Магнетронное напыление тонких магнитных слоев   | 9 000,00  |
| 3.10.     | Бондинг   | 5 000,00  |
| <b>4.</b> | <b>Подготовка отчета</b>  |           |
| 4.1.      | Подготовка отчета   | 1 000,00  |

\*+расходники (зонды): контактный или бесконтактный – 1.6 т.р./1шт., магнитный – 4 т.р./1шт., проводящий – 2 т.р./1шт., термокантилевер – 30 т.р./1шт. 1 кантилевера хватает на 2-3 образца.

**ВЫПИСКА****из Единого государственного реестра индивидуальных предпринимателей**

23.08.2023

№ ИЭ9965-23-  
58837444

дата формирования выписки

Настоящая выписка содержит сведения об индивидуальном предпринимателе

**САЛТАНОВ ИВАН ВИКТОРОВИЧ**

фамилия, имя и отчество (при наличии)

**ОГРНИП** 3 1 8 1 9 0 1 0 0 0 0 8 0 7 3

включенные в Единый государственный реестр индивидуальных предпринимателей по состоянию на

« 23 » августа 20 23 г.  
число месяц прописью год

| № п/п   | Наименование показателя   | Значение показателя  |
|---|---|--|
| 1   | 2   | 3  |
| <b>Фамилия, имя, отчество (при наличии) индивидуального предпринимателя</b>                 |   |  |
| 1   | Фамилия<br>Имя<br>Отчество  | САЛТАНОВ<br>ИВАН<br>ВИКТОРОВИЧ                                       |
| 2   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| 3   | Пол   | мужской  |
| <b>Сведения о гражданстве</b>   |   |  |
| 4   | Гражданство   | гражданин Российской Федерации                                       |
| 5   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>Адрес электронной почты</b>  |   |  |
| 6   | E-mail  | SIVS@YANDEX.RU   |
| 7   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>Сведения о регистрации индивидуального предпринимателя</b>                               |   |  |
| 8   | ОГРНИП  | 318190100008073  |
| 9   | Дата регистрации  | 10.05.2018   |
| <b>Сведения о регистрирующем органе по месту жительства индивидуального предпринимателя</b> |   |  |
| 10  | Наименование регистрирующего органа                               | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы № 46 по г. Москве |
| 11  | Адрес регистрирующего органа                                      | 125373, г.Москва, Походный проезд, домовладение 3, стр.2             |
| 12  | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 423774601738844<br>06.06.2023  |

| <b>Сведения об учете в налоговом органе</b>  |   |  |
|--|---|--|
| 13   | Идентификационный номер налогоплательщика (ИНН)                   | 190202499907   |
| 14   | Дата постановки на учет   | 17.02.2023   |
| 15   | Наименование налогового органа                                    | Инспекция Федеральной налоговой службы № 25 по г.Москве  |
| 16   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 423190000084108<br>06.06.2023  |
| <b>Сведения о регистрации в качестве страхователя по обязательному пенсионному страхованию</b>   |   |  |
| 17   | Регистрационный номер   | 087613021391   |
| 18   | Дата регистрации  | 07.06.2023   |
| 19   | Наименование территориального органа Пенсионного фонда            | Отделение Фонда пенсионного и социального страхования Российской Федерации по г. Москве и Московской области |
| 20   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 423774601752301<br>07.06.2023  |
| <b>Сведения о видах экономической деятельности по Общероссийскому классификатору видов экономической деятельности (ОКВЭД ОК 029-2014 КДЕС. Ред. 2)</b> |   |  |
| <b>Сведения об основном виде деятельности</b>  |   |  |
| 21   | Код и наименование вида деятельности                              | 77.40 Аренда интеллектуальной собственности и подобной продукции, кроме авторских прав                       |
| 22   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>Сведения о дополнительных видах деятельности (ОКВЭД ОК 029-2014 (КДЕС Ред. 2))</b>  |   |  |
| <b>1</b>   |   |  |
| 23   | Код и наименование вида деятельности                              | 46.42.11 Торговля оптовая одеждой, включая спортивную, кроме нательного белья                                |
| 24   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>2</b>   |   |  |
| 25   | Код и наименование вида деятельности                              | 46.42.14 Торговля оптовая аксессуарами одежды и головными уборами, кроме меховых                             |
| 26   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>3</b>   |   |  |
| 27   | Код и наименование вида деятельности                              | 46.44.1 Торговля оптовая изделиями из керамики и стекла  |
| 28   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>4</b>   |   |  |
| 29   | Код и наименование вида деятельности                              | 46.49 Торговля оптовая прочими бытовыми товарами   |
| 30   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |

| <b>5</b>  |   |  |
|-----------|---|--|
| 31        | Код и наименование вида деятельности                              | 46.49.49 Торговля оптовая прочими потребительскими товарами, не включенными в другие группировки   |
| 32        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>6</b>  |   |  |
| 33        | Код и наименование вида деятельности                              | 46.90 Торговля оптовая неспециализированная  |
| 34        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>7</b>  |   |  |
| 35        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.19 Торговля розничная прочая в неспециализированных магазинах   |
| 36        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>8</b>  |   |  |
| 37        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.19.1 Торговля розничная большим товарным ассортиментом с преобладанием непродовольственных товаров в неспециализированных магазинах       |
| 38        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>9</b>  |   |  |
| 39        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.65 Торговля розничная играми и игрушками в специализированных магазинах   |
| 40        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>10</b> |   |  |
| 41        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.71.1 Торговля розничная мужской, женской и детской одеждой в специализированных магазинах   |
| 42        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>11</b> |   |  |
| 43        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.71.7 Торговля розничная головными уборами в специализированных магазинах  |
| 44        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>12</b> |   |  |
| 45        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.71.8 Торговля розничная аксессуарами одежды (перчатками, галстуками, шарфами, ремнями, подтяжками и т. п.) в специализированных магазинах |
| 46        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>13</b> |   |  |
| 47        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.78.3 Торговля розничная сувенирами, изделиями народных художественных промыслов   |



|           |   |   |
|-----------|---|---|
| 48        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>14</b> |   |   |
| 49        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.78.9 Торговля розничная непродовольственными товарами, не включенными в другие группировки, в специализированных магазинах |
| 50        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>15</b> |   |   |
| 51        | Код и наименование вида деятельности                              | 47.91 Торговля розничная по почте или по информационно-коммуникационной сети Интернет   |
| 52        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>16</b> |   |   |
| 53        | Код и наименование вида деятельности                              | 62.01 Разработка компьютерного программного обеспечения   |
| 54        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>17</b> |   |   |
| 55        | Код и наименование вида деятельности                              | 62.02 Деятельность консультативная и работы в области компьютерных технологий   |
| 56        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>18</b> |   |   |
| 57        | Код и наименование вида деятельности                              | 63.11 Деятельность по обработке данных, предоставление услуг по размещению информации и связанная с этим деятельность         |
| 58        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>19</b> |   |   |
| 59        | Код и наименование вида деятельности                              | 63.11.1 Деятельность по созданию и использованию баз данных и информационных ресурсов   |
| 60        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>20</b> |   |   |
| 61        | Код и наименование вида деятельности                              | 63.11.9 Деятельность по предоставлению услуг по размещению информации прочая  |
| 62        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>21</b> |   |   |
| 63        | Код и наименование вида деятельности                              | 63.99.1 Деятельность по оказанию консультационных и информационных услуг  |
| 64        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018   |



| <b>22</b> |   |  |
|-----------|---|--|
| 65        | Код и наименование вида деятельности                              | 64.92 Предоставление займов и прочих видов кредита   |
| 66        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>23</b> |   |  |
| 67        | Код и наименование вида деятельности                              | 64.92.2 Деятельность по предоставлению займов промышленности   |
| 68        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>24</b> |   |  |
| 69        | Код и наименование вида деятельности                              | 64.99 Предоставление прочих финансовых услуг, кроме услуг по страхованию и пенсионному обеспечению, не включенных в другие группировки |
| 70        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>25</b> |   |  |
| 71        | Код и наименование вида деятельности                              | 64.99.3 Капиталовложения в уставные капиталы, венчурное инвестирование, в том числе посредством инвестиционных компаний                |
| 72        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>26</b> |   |  |
| 73        | Код и наименование вида деятельности                              | 66.12 Деятельность брокерская по сделкам с ценными бумагами и товарами   |
| 74        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>27</b> |   |  |
| 75        | Код и наименование вида деятельности                              | 66.19.4 Деятельность по предоставлению консультационных услуг по вопросам финансового посредничества                                   |
| 76        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>28</b> |   |  |
| 77        | Код и наименование вида деятельности                              | 66.30 Деятельность по управлению фондами   |
| 78        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>29</b> |   |  |
| 79        | Код и наименование вида деятельности                              | 69.10 Деятельность в области права   |
| 80        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |
| <b>30</b> |   |  |
| 81        | Код и наименование вида деятельности                              | 70.21 Деятельность в сфере связей с общественностью  |
| 82        | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения | 318190100008073<br>10.05.2018  |

|  |   |   |
|--|---|---|
| <b>31</b>                                    |   |   |
| 83   | Код и наименование вида деятельности                                | 70.22 Консультирование по вопросам коммерческой деятельности и управления   |
| 84   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения   | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>32</b>                                    |   |   |
| 85   | Код и наименование вида деятельности                                | 73.11 Деятельность рекламных агентств   |
| 86   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения   | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>33</b>                                    |   |   |
| 87   | Код и наименование вида деятельности                                | 82.99 Деятельность по предоставлению прочих вспомогательных услуг для бизнеса, не включенная в другие группировки |
| 88   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения   | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>34</b>                                    |   |   |
| 89   | Код и наименование вида деятельности                                | 85.41.9 Образование дополнительное детей и взрослых, не включенное в другие группировки                           |
| 90   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения   | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>35</b>                                    |   |   |
| 91   | Код и наименование вида деятельности                                | 85.42.9 Деятельность по дополнительному профессиональному образованию прочая, не включенная в другие группировки  |
| 92   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения   | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>36</b>                                    |   |   |
| 93   | Код и наименование вида деятельности                                | 88.99 Предоставление прочих социальных услуг без обеспечения проживания, не включенных в другие группировки       |
| 94   | ГРН и дата внесения в ЕГРИП записи, содержащей указанные сведения   | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| <b>Сведения о записях, внесенных в ЕГРИП</b> |   |   |
| <b>1</b>                                     |   |   |
| 95   | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 318190100008073<br>10.05.2018   |
| 96   | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Государственная регистрация физического лица в качестве индивидуального предпринимателя                           |
| 97   | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы №1 по Республике Хакасия                                       |
|  | Сведения о документах, представленных при внесении записи в ЕГРИП   |   |
| 98   | Наименование документа  | Р21001 ЗАЯВЛЕНИЕ О РЕГИСТРАЦИИ ФЛ В КАЧЕСТВЕ ИП   |
| 99   | Наименование документа  | ДОКУМЕНТ ОБ ОПЛАТЕ ГОСУДАРСТВЕННОЙ ПОШЛИНЫ  |

|          |   |   |
|----------|---|---|
| 100      | Номер документа   | 18209965182792773851  |
| 101      | Дата документа  | 06.05.2018  |
| <b>2</b> |   |   |
| 102      | Наименование документа  | ДОКУМЕНТ, УДОСТОВЕРЯЮЩИЙ ЛИЧНОСТЬ ГРАЖДАНИНА РФ   |
| <b>2</b> |   |   |
| 103      | Наименование документа  | ДОКУМЕНТ, УДОСТОВЕРЯЮЩИЙ ЛИЧНОСТЬ ГРАЖДАНИНА РФ   |
| <b>2</b> |   |   |
| 104      | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 418190100079930<br>10.05.2018   |
| 105      | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Представление сведений об учете в налоговом органе  |
| 106      | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы №1 по Республике Хакасия   |
| <b>3</b> |   |   |
| 107      | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 418190100082073<br>16.05.2018   |
| 108      | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Представление сведений о регистрации в качестве страхователя в территориальном органе Пенсионного фонда Российской Федерации  |
| 109      | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы №1 по Республике Хакасия   |
| <b>4</b> |   |   |
| 110      | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 419190100455794<br>08.11.2019   |
| 111      | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Внесение изменений в сведения, содержащиеся в Едином государственном реестре индивидуальных предпринимателей, в связи с переименованием (переподчинением) адресных объектов |
| 112      | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы №1 по Республике Хакасия   |
| <b>5</b> |   |   |
| 113      | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 420190100062430<br>11.03.2020   |
| 114      | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Внесение изменений в сведения, содержащиеся в Едином государственном реестре индивидуальных предпринимателей, в связи с переименованием (переподчинением) адресных объектов |
| 115      | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы №1 по Республике Хакасия   |
| <b>6</b> |   |   |
| 116      | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 420190100070910<br>14.03.2020   |

|           |   |   |
|-----------|---|---|
| 117       | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Внесение изменений в сведения, содержащиеся в Едином государственном реестре индивидуальных предпринимателей, в связи с переименованием (переподчинением) адресных объектов |
| 118       | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной налоговой службы №1 по Республике Хакасия   |
| <b>7</b>  |   |   |
| 119       | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 420190000787540<br>23.11.2020   |
| 120       | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Представление сведений об учете в налоговом органе  |
| 121       | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Управление Федеральной налоговой службы по Республике Хакасия   |
| <b>8</b>  |   |   |
| 122       | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 423190000084097<br>06.06.2023   |
| 123       | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Представление сведений о регистрации физического лица по месту жительства   |
| 124       | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Управление Федеральной налоговой службы по Республике Хакасия   |
| <b>9</b>  |   |   |
| 125       | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 423190000084108<br>06.06.2023   |
| 126       | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Представление сведений об учете в налоговом органе  |
| 127       | Наименование регистрирующего органа, которым запись внесена в ЕГРИП | Управление Федеральной налоговой службы по Республике Хакасия   |
| <b>10</b> |   |   |
| 128       | ГРН и дата внесения записи в ЕГРИП                                  | 423774601752301<br>07.06.2023   |
| 129       | Причина внесения записи в ЕГРИП                                     | Представление сведений о регистрации в качестве страхователя в территориальном органе Пенсионного фонда Российской Федерации  |

|     |  |   |
|-----|--|---|
| 130 | Наименование регистрирующего органа,<br>которым запись внесена в ЕГРИП | Межрайонная инспекция Федеральной<br>налоговой службы № 46 по г. Москве |
|-----|--|---|

Выписка сформирована с использованием сервиса «Предоставление сведений из ЕГРЮЛ/ЕГРИП», размещенного на официальном сайте ФНС России в сети Интернет по адресу: <https://egrul.nalog.ru>

